

Số: 74 /GM-UBND

Quảng Ngãi, ngày 08 tháng 3 năm 2018



GIẤY MỜI

UBND tỉnh tổ chức Hội nghị tổng kết Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2017, triển khai nhiệm vụ năm 2018 trên địa bàn tỉnh.

1. Thành phần:

*** Ở tỉnh:**

- Đồng chí Nguyễn Tăng Bính - Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh, chủ trì;
 - Kính mời đại diện Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực HĐND tỉnh, Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
 - Kính mời đại diện lãnh đạo: Ban Dân vận, Ban Tuyên giáo, Ban Tổ chức, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy; Văn phòng Tỉnh ủy;
 - Đại diện lãnh đạo các Tổ chức chính trị - xã hội tỉnh: Cựu Chiến binh tỉnh, Nông dân tỉnh, Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Tỉnh Đoàn, Liên đoàn Lao động tỉnh, Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Quảng Ngãi;
 - Các thành viên Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh (theo Quyết định số 2507/QĐ-UBND ngày 05/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh);
 - Mời đại diện lãnh đạo các Ban HĐND tỉnh; Văn phòng Đoàn ĐB Quốc hội và Văn phòng HĐND tỉnh;
 - Đại diện lãnh đạo Ban Thi đua Khen thưởng tỉnh;
 - Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh;
 - Đại diện các Phòng, ban, đơn vị liên quan trực thuộc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư (giao các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư thông báo mời);
- * Ở huyện, thành phố:**
- Mời đại diện lãnh đạo Thường trực Huyện ủy, Thành ủy; Thường trực HĐND các huyện, thành phố;
 - Lãnh đạo UBND các huyện, thành phố;
 - Trưởng các Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Phòng Kinh tế, hạ tầng) các huyện, thành phố (giao UBND các huyện, thành phố thông báo mời);

* **Ở xã:** Chủ tịch UBND 19 xã trong kế hoạch đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018 và 03 xã trong kế hoạch xây dựng Khu dân cư nông thôn kiểu mẫu: Bình Dương (huyện Bình Sơn), Nghĩa Lâm (huyện Tư Nghĩa), Hành Minh (huyện Nghĩa Hành) (*giao UBND các huyện, thành phố thông báo mời*);

- Phóng viên: Báo Quảng Ngãi, Đài PTTH tỉnh Quảng Ngãi;

- VPUB: CVP, PCVP(NL), các Phòng Ng/cứu, CB-TH;

2. Thời gian: Vào lúc 07 giờ 00 phút ngày 13/3/2018 (Thứ Ba).

3. Địa điểm: Phòng họp số 1 - UBND tỉnh.

4. Chuẩn bị nội dung:

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh chuẩn bị tài liệu (*phô tô gửi các đại biểu*) để phục vụ Hội nghị.

- Phân công cán bộ của Sở dẫn chương trình Hội nghị và phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh chuẩn bị các điều kiện cần thiết để tổ chức Hội nghị.

- Trình bày dự thảo Báo cáo Tổng kết Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2017, Kế hoạch triển khai nhiệm vụ năm 2018 tại Hội nghị.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND các huyện: Nghĩa Hành, Bình Sơn, Tư Nghĩa chuẩn bị nội dung báo cáo tham luận trước Hội nghị theo ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 412/UBND-NTN ngày 23/01/2018.

c) UBND các huyện: Ba Tơ, Trà Bồng báo cáo tham luận trước Hội nghị về giải pháp để các xã: Ba Động, Trà Bình đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018.


Đề nghị các đại biểu nghiên cứu tài liệu kèm theo (*dự thảo Báo cáo Tổng kết Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2017, Kế hoạch triển khai nhiệm vụ năm 2018*) để tham gia góp ý tại Hội nghị.

Trân trọng kính mời./.

Nơi nhận:

- Như thành phần;
- VPUB: QT-TV;
- Lưu: VT, NN-TN(TV141).

TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG



Trần Văn Thế

Trần Văn Thế

CHƯƠNG TRÌNH HỘI NGHỊ

(Kèm theo Giấy mời số 74 /GM-UBND ngày 08/3/2018 của UBND tỉnh)

Thời gian	Nội dung	Đơn vị thực hiện
7h00 - 7h20	Đón tiếp Đại biểu	VPĐP nông thôn mới tỉnh
7h20 - 7h30	Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu	VPĐP nông thôn mới tỉnh
7h30 - 8h10	Báo cáo tổng kết năm 2017, triển khai nhiệm vụ năm 2018 Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	Lãnh đạo Sở NN-PTNT
8h10 - 8h30	Báo cáo kết quả lồng ghép nguồn vốn từ các chương trình, dự án khác với Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, đề xuất cơ chế chính sách.	Lãnh đạo Sở KH-ĐT
8h30 - 8h50	Báo cáo kế hoạch xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018	UBND huyện Tư Nghĩa
8h50 - 9h00	Báo cáo kế hoạch xây dựng thí điểm Khu dân cư nông thôn kiểu mẫu.	UBND huyện Bình Sơn
9h00 - 9h15	Giải lao	
9h15 - 10h00	Báo cáo tham luận của các địa phương	- UBND huyện Nghĩa Hành: Kết quả thực hiện Chương trình NTM trên địa bàn huyện (25 phút); - UBND các huyện: Ba Tơ, Trà Bồng: Giải pháp để các xã: Ba Động, Trà Bình đạt chuẩn NTM 2018 (20 phút).
10h00 - 10h10	Ý kiến thảo luận của các đại biểu dự Hội nghị	Chủ trì cuộc họp
11h00 – 11h10	Phát biểu chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy	Thường trực Tỉnh ủy
11h10 – 11h30	Kết luận Hội nghị	Lãnh đạo UBND tỉnh, Chủ trì Hội nghị

(Chương trình có thể thay đổi theo sự điều hành của Chủ trì Hội nghị)

Số: /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2018

DỰ THẢO

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia
xây dựng nông thôn mới năm 2017; Kế hoạch năm 2018**

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI, KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2017

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI

1. Công tác tuyên truyền, vận động

a) Tình hình triển khai, kết quả thực hiện công tác tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức cho cán bộ, người dân để phát huy vai trò trong quá trình thực hiện Chương trình trên địa bàn.

- Hưởng ứng phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2016 - 2020, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã tổ chức Lễ phát động phong trào thi đua “Quảng Ngãi chung tay xây dựng nông thôn mới”, “Quảng Ngãi chung tay vì người nghèo – Không để ai bị bỏ lại phía sau” giai đoạn 2016 -2020, và được truyền hình trực tiếp trên sóng phát thanh, truyền hình tỉnh;

- Hội Cựu chiến binh tỉnh đã ký kết Chương trình phối hợp hoạt động với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020;

- UBND tỉnh và Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam đã ban hành Chương trình phối hợp thực hiện giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

- Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh phối hợp với Đài phát thanh truyền hình tỉnh, Báo Quảng Ngãi, Báo Nông thôn ngày nay, Báo Kinh tế nông thôn để tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, kế hoạch thực hiện Chương trình; tuyên truyền các chủ trương chính sách của đảng và nhà nước, phản ánh tình hình triển khai thực hiện tại các địa phương, tâm tư nguyện vọng của người dân, tuyên truyền về các mô hình, các cá nhân, tập thể điển hình trong xây dựng nông thôn mới;

- Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh đã thực hiện in và phát hành 200 Sổ tay Hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020.

- Thông qua Đài truyền thanh xã, lồng ghép vào các buổi hội nghị, sinh hoạt chi bộ, đoàn thể, các buổi sinh hoạt khu dân cư, các địa phương cơ sở cũng tổ chức

tuyên truyền vận động về vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể và mỗi người dân về xây dựng nông thôn mới.

b) Kết quả triển khai thực hiện Phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”; thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”.

Thực hiện Kế hoạch số 6202/KH-UBND ngày 31/10/2016 của UBND tỉnh Tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Quảng Ngãi chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2016 – 2020, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã tiến hành tổ chức tuyên truyền, vận động xây dựng nông thôn mới gắn với các cuộc vận động lớn của tỉnh, gắn với việc đẩy mạnh cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, tuyên truyền vận động sâu rộng trong nhân dân về tầm quan trọng, ý nghĩa của việc xây dựng nông thôn mới;

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh đã phối hợp với chính quyền, các tổ chức thành viên tuyên truyền vận động nhân dân hưởng ứng phong trào “Quảng Ngãi chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2016 – 2020, động viên cộng đồng dân cư đoàn kết, giúp nhau phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, xây dựng cơ sở hạ tầng, nâng cao dân trí, phát huy tinh thần tương thân tương ái, đoàn kết giúp đỡ nhau, qua đó dân chủ ở cơ sở được tăng cường, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Đã triển khai xây dựng mới 50 nhà, sửa chữa 80 nhà cho các đối tượng chính sách khó khăn về nhà ở và tu sửa một số nghĩa trang liệt sĩ với số tiền gần 2 tỷ đồng.

Để thực hiện phong trào “Tuổi trẻ Quảng Ngãi chung tay xây dựng nông thôn mới”, trong năm 2017, Đoàn thanh niên tỉnh đã tổ chức: Lễ phát động và ra quân Tháng thanh niên năm 2017 tại xã Bình Long, huyện Bình Sơn; Phát động ra quân hưởng ứng Chiến dịch Thanh niên tình nguyện hè năm 2017 tại xã Ba Động, huyện Ba Tơ; Tổ chức Lễ ra quân xây dựng nông thôn mới tại xã Hành Tín Tây, huyện Nghĩa Hành với những việc làm thiết thực, cụ thể như: Tổ chức dọn vệ sinh môi trường tại các điểm nóng rác thải, nạo vét, khơi thông dòng chảy kênh mương nội đồng, trồng cây xanh cảnh quan, làm công trình điện thấp sáng làng quê, làm đường giao nông thôn, tôn tạo nghĩa trang ... Ngoài ra, các cấp bộ Đoàn trên toàn tỉnh đã tổ chức nhiều hoạt động tình nguyện mang lại hiệu quả cao, góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng nông thôn mới.

Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp đã vận động cán bộ, hội viên đóng góp số tiền gần 4 tỷ đồng, hiến 6.900m² đất để mở đường, làm trường mầm non, đóng góp 33.797 ngày công, 2.797 bóng đèn để làm đường giao thông nông thôn, kiên cố hóa kênh mương, thấp sáng đường quê. Vận động 60.258 lượt hội viên tham gia dọn vệ sinh đường làng ngõ xóm, các đoạn đường tự quản và nạo vét kênh mương nội đồng, diệt lăng quăng, bọ gậy. Các cấp Hội cũng tham gia trồng các loại cây ăn quả, cây xanh ven các tuyến đường làm cảnh quang môi trường xanh sạch đẹp và tiếp tục thực hiện cuộc vận động “xây dựng gia đình 5 không 3 sạch” gắn với “toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”.

Hội Nông dân tỉnh với phong trào “Nông dân với xây dựng nông thôn mới”, bằng nhiều hình thức phong phú đã tạo cơ hội để cán bộ hội viên nông dân các cấp

giao lưu, học hỏi, trao đổi kinh nghiệm về xây dựng nông thôn mới. Tổ chức lớp tập huấn tuyên truyền cho người dân về xây dựng nông thôn mới.

Hội Cựu chiến binh tỉnh đã thực hiện phong trào “Cựu chiến binh đoàn kết giúp nhau giảm nghèo nhanh và bền vững, vươn lên làm giàu chính đáng” thông qua các quỹ “Tấm lòng vàng”, “Xóa nhà dột nát”, “Hỗ trợ đồng đội”... giúp hội viên xóa đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống.

c) Đánh giá hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động

- Mặt được: Hệ thống chính trị, các cơ quan truyền thông đã kịp thời tuyên truyền vận động, phản ánh công cuộc xây dựng nông thôn mới đến người dân, tạo nên phong trào thi đua rộng khắp các vùng nông thôn về xây dựng nông thôn mới.

- Tồn tại, hạn chế: Phương pháp, kỹ năng tuyên truyền vận động của một bộ phận cán bộ làm công tác tuyên truyền chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra, chưa giúp người dân hiểu thấu đáo nội dung Chương trình, hiểu được vai trò trách nhiệm của cá nhân, cộng đồng trong xây dựng nông thôn mới để họ có ý thức đóng góp, hợp tác và phát huy vai trò cộng đồng trong xây dựng nông thôn mới.

2. Thành lập, kiện toàn bộ máy chỉ đạo thực hiện Chương trình

a) Kết quả kiện toàn Ban Chỉ đạo các cấp

- Cấp tỉnh:

Thực hiện Quyết định 41/2016/QĐ-TTg ngày 10/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ Quy chế quản lý điều hành các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2507/QĐ-UBND ngày 05/12/2016 về việc thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 – 2020. Thành lập 01 Ban Chỉ đạo cho 02 Chương trình: Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững với 37 thành viên. Trưởng ban là Chủ tịch UBND tỉnh; Phó Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách lĩnh vực nông nghiệp - Tài nguyên làm Phó Trưởng Ban Thường trực, phụ trách Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Phó Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách lĩnh vực văn hóa - xã hội làm Phó Trưởng Ban Thường trực, phụ trách Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT là ủy viên Thường trực Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới và Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là Ủy viên Thường trực Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững, các thành viên là đại diện lãnh đạo các Sở ngành, hội đoàn thể tỉnh và chủ tịch UBND các huyện, thành phố.

- Cấp huyện:

UBND các huyện, thành phố đã thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia của các huyện, thành phố giai đoạn 2016 - 2020 với thành phần tương tự như Ban Chỉ đạo cấp tỉnh.

b) Kiện toàn bộ máy chỉ đạo giúp việc cho Ban chỉ đạo các cấp

Thực hiện Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 05/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và biên chế của Văn phòng Điều phối nông thôn mới các cấp, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1326/QĐ-UBND ngày 17/7/2017 về việc thành lập Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi.

- Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh đặt tại Sở Nông nghiệp và PTNT, cơ cấu tổ chức:

+ Lãnh đạo: Chánh Văn phòng và 02 Phó Chánh Văn phòng:

Chánh văn phòng: Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT kiêm nhiệm.

02 Phó Chánh Văn phòng: Một Phó Chánh Văn phòng làm nhiệm vụ chuyên trách và một Phó Chánh Văn phòng là Chi cục trưởng Chi cục Phát triển nông thôn kiêm nhiệm.

+ Thành viên Văn phòng Điều phối: có 25 người; trong đó: Thành viên chuyên trách: có 06 biên chế sự nghiệp, là các cán bộ được điều động từ các đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT; thành viên kiêm nhiệm: 19 người, là cán bộ, chuyên viên của các sở, ngành tỉnh có liên quan.

- Văn phòng điều phối nông thôn mới cấp huyện đặt tại Phòng Nông nghiệp và PTNT hoặc phòng Kinh tế. Chánh Văn phòng do Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố kiêm nhiệm, Phó Chánh Văn phòng do Trưởng Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế kiêm nhiệm. Mỗi huyện, thành phố thường bố trí 02 biên chế sự nghiệp làm nhiệm vụ chuyên trách về xây dựng nông thôn mới.

* Cấp xã

Theo Quyết định số 1327/QĐ-UBND ngày 17/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức, biên chế của Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới các cấp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi: Mỗi xã bố trí một công chức chuyên trách về nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, tuy nhiên trên thực tế xã chưa có công chức phụ trách nông nghiệp và phụ thuộc vào điều kiện của mỗi xã, công tác theo dõi, tổng hợp việc triển khai thực hiện Chương trình tại xã có thể do công chức kế toán, văn phòng hoặc địa chính đảm nhận.

c) Đánh giá chung về những thuận lợi, hạn chế liên quan đến bộ máy chỉ đạo và tổ chức thực hiện Chương trình

- Thuận lợi:

Đã sớm thành lập và kiện toàn hệ thống chỉ đạo, điều hành; bộ máy giúp việc, quản lý thực hiện Chương trình theo quy định của Trung ương.

Đã sớm tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn phổ biến về chủ trương chính sách của Đảng và nhà nước và của tỉnh về xây dựng nông thôn mới cho cán bộ phụ trách chương trình.

- Tồn tại, hạn chế:

Nhân sự trong các tổ chức chỉ đạo, điều hành; bộ máy giúp việc, quản lý thực hiện Chương trình từ cấp tỉnh đến xã luôn có biến động thay đổi làm cho công tác chỉ đạo, điều hành, theo dõi thực hiện thiếu tính liên tục, kịp thời. Cán bộ chuyên trách nông thôn mới các cấp trên địa bàn tỉnh hiện nay phần lớn là biên chế viên chức hoặc cán bộ hợp đồng, công việc đảm nhận như cán bộ công chức hành chính nhưng không có phụ cấp công vụ.

Một số thành viên Ban Chỉ đạo các cấp chưa tích cực đổi mới với nhiệm vụ hướng dẫn thực hiện tiêu chí do ngành mình phụ trách, thiếu kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn địa phương được phân công; Sự tham gia phối hợp giữa các cấp, các ngành chưa thật sự hiệu quả.

3. Ban hành các cơ chế chính sách và văn bản hướng dẫn thực hiện

a) Đánh giá việc ban hành các văn bản để hướng dẫn, cụ thể hóa các quy định của Trung ương.

Trên cơ sở Quyết định 1600/QĐ-UBND ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020, Quyết định số 1980/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 17/10/2016 về việc Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020, Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020, UBND tỉnh và các sở ngành liên quan đã ban hành các văn bản hướng dẫn để cụ thể hóa các quy định của Trung ương thực hiện trên địa bàn tỉnh;

UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh đã kịp thời chỉ đạo các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Chỉ thị số 36/CT-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 32/2016/QH14 ngày 23/11/2016 của Quốc hội, Thông tư số 05/2017/TT-BNNPTNT ngày 01/3/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020.

UBND tỉnh đã giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp Trung ương cho Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2017 đúng quy định của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

Hiện nay, UBND tỉnh đang cụ thể hóa các quy định của Trung ương tại Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020, Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020.

b) Kết quả ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù của địa phương

- Trong năm 2017 UBND tỉnh đã ban hành:

Quyết định số 321/QĐ-UBND ngày 03/5/2017 về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016 – 2020;

Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND ngày 11/5/2017 Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện một số nội dung xây dựng nông thôn mới trên địa bàn cấp xã và khen thưởng công trình phúc lợi cho huyện, xã đạt chuẩn nông thôn mới, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016 – 2020;

Quyết định số 33/2017/QĐ-UBND ngày 12/5/2017 về việc sửa đổi một số nội dung Điều 1 Quyết định số 46/2016/QĐ-UBND ngày 09/9/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án Kiên cố hóa kênh mương thủy lợi gắn với Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016 – 2020;

Quyết định số 44/2017/QĐ-UBND ngày 06/7/2017 về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Đề án Phát triển giao thông nông thôn, thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 47/2016/QĐ-UBND ngày 09/9/2016 của UBND tỉnh.

Quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 06/02/2017 ban hành danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng theo Nghị định 161/2016/NĐ-CP ngày 02/02/2016 của Chính phủ đối với việc thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 – 2020.

Quyết định số 1854/QĐ-UBND ngày 06/10/2017 về việc ban hành tập thiết kế mẫu công trình nhà văn hóa xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Quyết định 1535/QĐ-UBND ngày 21/8/2017 về việc ban hành tập thiết kế mẫu công trình nhà văn hóa thôn, bản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Quyết định số 1355/QĐ-UBND ngày 21/7/2017 về việc ban hành các tập thiết kế mẫu công trình chợ nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 03/04/2017 về việc ban hành các tập thiết kế mẫu, thiết kế điển hình đối với công trình trường học mầm non, mẫu giáo; các công trình xây dựng đường giao thông nông thôn và công trình kiên cố hóa kênh mương loại III trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- HĐND tỉnh đã ban hành: Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 9/12/2017 Quy định mức kinh phí hỗ trợ việc tổ chức, thực hiện lập kế hoạch đầu tư cấp xã thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Nghị quyết số 52/2017/NQ-HĐND ngày 09/12/2017 Quy định nội dung, định mức hỗ trợ chi phí chuẩn bị và quản lý thực hiện đối với một số dự án thuộc các chương trình MTQG giai đoạn 2016 – 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

c) Đánh giá hiệu quả các cơ chế chính sách đã ban hành

- Mặt được: Đã kịp thời ban hành, điều chỉnh các cơ chế chính sách cho phù hợp với quy định của Trung ương làm cơ sở áp dụng thực hiện tại địa phương.

- Tồn tại, hạn chế:

Nguồn lực của nhà nước đầu tư trực tiếp cho Chương trình xây dựng nông thôn mới còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu đầu tư phát triển của các địa phương, trong khi vốn huy động trong dân và các doanh nghiệp chưa đáng kể và chưa có giải pháp hiệu quả nên không đảm bảo nguồn lực để thực hiện Chương trình để dẫn đến nợ đọng trong xây dựng nông thôn mới.

(Phụ biểu số 01 kèm theo)

4. Tổ chức đào tạo, tập huấn thực hiện Chương trình

a) Kết quả về xây dựng tài liệu; tổ chức đào tạo, tập huấn thực hiện Chương trình ở các cấp.

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 121/QĐ-UBND ngày 25/01/2017 về việc phê duyệt Kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng cán bộ xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2017 – 2020. Trên cơ sở đó trong năm 2017, các sở, ngành, hội đoàn thể các cấp và địa phương đã triển khai thực hiện tập huấn, bồi dưỡng các nội dung về xây dựng nông thôn mới (với 49 lớp, hơn 3.444 lượt người tham gia). Bên cạnh công tác đào tạo tập huấn, trong năm 2017, các đơn vị còn tổ chức tham quan học tập kinh nghiệm, cụ thể: Huyện Tư Nghĩa đã tổ chức tham quan, học tập kinh nghiệm xây dựng nông thôn mới tại thị xã Đông Triều, Quảng Ninh cho Ban Chỉ đạo huyện, xã; huyện Ba Tư đã tổ chức 01 chuyến tham quan tại huyện Hướng Hóa, Quảng Trị về phát triển mô hình sản xuất mới và 01 chuyến tham quan tại xã Hành Tín Đông, Nghĩa Hành về công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức sản xuất xây dựng nông thôn mới; huyện Nghĩa Hành đã tổ chức 04 đoàn tham quan học tập kinh nghiệm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về nông thôn mới gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững ở một số tỉnh phía bắc, phía nam; Văn phòng nông thôn mới tỉnh đã tổ chức 02 chuyến tham quan học tập mô hình làng mẫu, vườn mẫu tại Hà Tĩnh.

b) Đánh giá hiệu quả công tác đào tạo; những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

- Mặt được:

Công tác tập huấn, bồi dưỡng đã được các Sở, ngành, hội đoàn thể, UBND các huyện, thành phố quan tâm triển khai thực hiện và đạt kết quả tốt, qua đó góp phần nâng cao trình độ cho cán bộ xây dựng nông thôn mới các cấp.

- Tồn tại, hạn chế:

Một số địa phương chưa quan tâm đúng mức việc tổ chức đào tạo, tập huấn có lúc, có nơi còn mang tính hình thức, ít hiệu quả.

Báo cáo viên thực hiện công tác truyền đạt, tập huấn một số nơi chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ, nhất là tại cấp huyện, cấp cơ sở.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Quy hoạch xây dựng nông thôn mới

a) Kết quả chung

Có 100% số xã (164 xã) hoàn thành Quy hoạch chung xây dựng nông thôn

mới cấp xã và công bố công khai quy hoạch nơi công cộng. Nhiều xã đã được UBND các huyện, thành phố quyết định phê duyệt quy định quản lý và thực hiện theo quy hoạch.

Có 2 huyện: Nghĩa Hành, Tư Nghĩa đã và đang thực hiện quy hoạch xây dựng vùng huyện để đáp ứng tiêu chí huyện đạt chuẩn nông thôn mới theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Về rà soát, điều chỉnh bổ sung các quy hoạch sản xuất, quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội môi trường trong đồ án quy hoạch xã nông thôn mới:

Hiện nay UBND các huyện, thành phố đang chỉ đạo các xã rà soát điều chỉnh quy hoạch để đảm bảo thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với biến đổi khí hậu, quá trình đô thị hóa các xã ven đô và đảm bảo tiêu chí môi trường. UBND tỉnh đã chỉ đạo các huyện, thành phố rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch xây dựng vùng nhằm đáp ứng tiêu chí của Quyết định số 558/QĐ-TTg.

c) Đánh giá chung về kết quả thực hiện.

* Mặt được:

Các huyện, thành phố đã tích cực chỉ đạo các xã triển khai thực hiện rà soát, điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn mới cấp xã.

Sau quy hoạch các xã đã kịp thời tổ chức công bố quy hoạch, niêm yết công khai bản vẽ quy hoạch cho mọi người dân biết và thực hiện. Một số xã đã tổ chức thực hiện quy chế quản lý theo quy hoạch được duyệt, cấm mốc chỉ giới cơ sở hạ tầng, tạo điều kiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch.

* Tồn tại hạn chế:

- Công tác rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch chậm so với yêu cầu; chất lượng quy hoạch còn nhiều hạn chế, chủ yếu tập trung vào quy hoạch phát triển hạ tầng với mong muốn được đầu tư, chưa xem xét, cân nhắc đến nguồn lực thực hiện và tính khả thi của quy hoạch;

- Quy hoạch phát triển sản xuất mang tính chung chung, chưa làm rõ thế mạnh của mỗi địa phương, chưa định hướng phát triển sản xuất phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và ít khả thi.

2. Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội

a) Kết quả chung toàn tỉnh về xây dựng cơ hạ tầng:

- Từ nguồn vốn đầu tư của Chương trình xây dựng nông thôn mới năm 2017 (vốn ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh), UBND tỉnh đã phân bổ:

+ Trả nợ các công trình năm 2016 còn thiếu vốn: 27 giao thông; 9 thủy lợi, 13 cơ sở vật chất văn hóa, 9 trường học; 1 cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn; 1 điện (trạm biến áp); 1 Hội trường UBND xã.

+ Triển khai đầu tư mới 381 công trình: 187 giao thông, 97 thủy lợi; 21 trường học; 73 cơ sở vật chất văn hóa; 2 nghĩa trang, 1 cầu.

+ Hỗ trợ: 32.000 triệu đồng mua xi măng làm giao thông nông thôn.

+ Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn: 25.000 triệu đồng.

b) Tổng vốn huy động xây dựng cơ sở hạ tầng

Năm 2017: 467.411 triệu đồng, trong đó:

- Vốn ngân sách trung ương: 144.280 triệu đồng;

- Vốn ngân sách tỉnh: 162.000 triệu đồng;

- Ngân sách huyện, xã, huy động khác: 161.131 triệu đồng.

Tổng vốn đầu tư phát triển của ngân sách Trung ương, tỉnh cho Chương trình: 306.280 triệu đồng, đã đầu tư:

- Giao thông: 139.089 triệu đồng

- Thủy lợi: 58.146 triệu đồng

- Trường học: 19.554 triệu đồng

- Cơ sở vật chất văn hóa: 43.283 triệu đồng

- Nghĩa trang: 1.300 triệu đồng

- Cầu: 590 triệu đồng

- Trả nợ các công trình hoàn thành: 19.317 triệu đồng

- Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn: 25.000 triệu đồng.

c) Đánh giá chung về thực hiện nhóm tiêu chí cơ sở hạ tầng

Nhóm tiêu chí hạ tầng kinh tế xã hội có 8/19 tiêu chí (giao thông, thủy lợi, điện, trường học, cơ sở vật chất văn hóa, cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, thông tin và truyền thông, nhà ở dân cư) chiếm gần 90% tổng vốn đầu tư của Trung ương, tỉnh nhưng mức độ đạt tiêu chí nhìn chung còn thấp: Giao thông 56 xã, thủy lợi 89 xã, điện 149 xã, trường học 69 xã, cơ sở vật chất văn hóa 60 xã, cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn 122 xã, Thông tin và truyền thông 143 xã, nhà ở dân cư 114 xã.

3. Phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân

- Triển khai Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng liên kết chuỗi giá trị để nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

Hiện nay, UBND tỉnh đang điều chỉnh, bổ sung Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh. Trong năm 2017, giá trị sản xuất ngành nông nghiệp tăng trưởng khá ổn định, cơ cấu kinh tế ngành chuyển dịch phù hợp với định hướng tái cơ cấu ngành nông nghiệp (nông nghiệp giảm, lâm nghiệp, thủy sản tăng; cơ cấu kinh tế nội bộ ngành nông nghiệp có sự chuyển dịch theo hướng trồng trọt giảm, chăn nuôi và dịch vụ tăng).

Nhiều địa phương đã chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, giống cây trồng mang lại hiệu quả tích cực. Giá trị sản phẩm thu hoạch bình quân 1 ha đất canh tác đạt 71,6 triệu đồng/ha, cao hơn 2,9 triệu đồng/ha so với năm 2016, vụ Đông Xuân 2016 –

2017 đã triển khai xây dựng 59 cánh đồng mẫu lớn với quy mô diện tích 1.453,9 ha, tăng 31 cánh đồng (690 ha) so với kế hoạch. Một số sản phẩm nông, lâm, thủy sản hàng hóa như bò thịt, gỗ khai thác từ rừng trồng, sản lượng thủy sản khai thác...phát triển khá nhanh. Nhiều tiến bộ kỹ thuật về giống mới, quy trình kỹ thuật tiên tiến được áp dụng vào sản xuất. Cơ sở hạ tầng thủy lợi, thủy sản được quan tâm đầu tư xây dựng, tu sửa. Bước đầu đã thu hút được một số doanh nghiệp đầu tư phát triển các vùng nguyên liệu gắn với thu mua, chế biến... hình thành mối liên kết trong sản xuất và chế biến.

Giá trị sản xuất ngành nông nghiệp tăng 5% so với cùng kỳ năm 2016, đạt 105,11% kế hoạch, trong đó: nông nghiệp tăng 3,1%, đạt 98,2% kế hoạch; lâm nghiệp tăng 8,4%; thủy sản tăng 7,6%, đạt 118,2% kế hoạch.

- Về công tác khuyến nông; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất.

+ Nghiên cứu, ứng dụng rộng rãi các quy trình, kỹ thuật tiên tiến vào các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản: Trong năm 2017, Khuyến nông tỉnh đã triển khai thực hiện 25 mô hình (6 mô hình trồng trọt, 4 mô hình chăn nuôi, 7 mô hình thủy sản, 3 mô hình lâm sinh, 5 mô hình ngành nghề nông thôn) và các lớp tập huấn, trình diễn, tham quan với tổng vốn đầu tư hơn 5 tỷ đồng. Nhìn chung các mô hình khuyến nông đã mang lại lợi ích thiết thực và được nông dân hưởng ứng, áp dụng vào sản xuất có hiệu quả.

+ Hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: Từ nguồn vốn sự nghiệp Trung ương: 41.800 triệu đồng (bao gồm vốn sự nghiệp bổ sung năm 2016, 2017), UBND tỉnh đã phân bổ 23.050 triệu đồng cho 98 xã để triển khai thực hiện mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập. Đã triển khai thực hiện 95 mô hình, bao gồm: 54 mô hình chăn nuôi, 27 mô hình trồng trọt, 6 mô hình thủy sản, 01 phương án hỗ trợ đóng giếng bơm tưới cho các vùng hạn thiếu nước sản xuất, 1 mô hình cơ giới hóa, 02 mô hình tưới phun mưa bán tự động, 04 mô hình hỗ trợ cánh đồng mẫu lớn.

+ Ngoài ra từ nguồn kinh phí hỗ trợ từ các chương trình: 30a, 135, Giảm nghèo bền vững ... các huyện, thành phố đã chỉ đạo các xã thực hiện nhiều mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất trong các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, cơ giới hóa sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng tái cơ cấu ngành nông nghiệp góp phần đẩy mạnh phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn.

- Về hình thức tổ chức sản xuất: Toàn tỉnh hiện có 177 HTX nông nghiệp, 15 tổ hợp tác, 114 trang trại. Có 40 HTX tham gia liên kết với doanh nghiệp, bao gồm: 34 HTX liên kết về trồng trọt với quy mô 1.071 ha, tổng khối lượng nông sản được tiêu thụ trên 12.500 tấn; 03 HTX liên kết sản xuất gỗ, quy mô: 200 ha; 03 HTX liên kết dịch vụ thủy sản, quy mô 02 ha; 32 HTX liên kết sản xuất lúa với quy mô 941 ha. Số lượng HTX nông nghiệp tham gia liên kết còn ít (23%), các hình thức liên kết trong sản xuất còn manh mún, lỏng lẻo, thiếu tính ràng buộc, quy mô, phạm vi liên kết còn ở dạng mô hình.

- Về phát triển ngành nghề nông thôn:

Toàn tỉnh có khoảng 9.917 cơ sở sản xuất, kinh doanh ngành nghề nông thôn, bao gồm: 138 doanh nghiệp, 47 Hợp tác xã, Tổ hợp tác và 9.602 cơ sở sản xuất ở quy mô hộ gia đình (1.178 hộ có giấy phép kinh doanh) nằm phân tán, rải rác trong các khu dân cư, xóm, thôn, xã trên địa bàn tỉnh, giải quyết việc làm cho khoảng trên 23.000 lao động ở nông thôn, doanh thu ước đạt trên 2.573 tỷ đồng, thu nhập bình quân khoảng 3 – 4 triệu đồng/người/tháng.

Tỉnh có 21 làng nghề hoạt động sản xuất kinh doanh trong các nhóm ngành hàng: Chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản; thủ công mỹ nghệ; cây trồng, kinh doanh sinh vật cảnh; xử lý, chế biến nguyên vật liệu phục vụ ngành nghề nông thôn; sản xuất vật liệu xây dựng; xây dựng, vận tải và các dịch vụ khác phục vụ sản xuất, đời sống dân cư nông thôn.

- Đào tạo nghề cho lao động nông thôn:

Chương trình mục tiêu quốc gia về lao động, việc làm đã góp phần đáng kể trong đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn; mạng lưới cơ sở dạy nghề tiếp tục được hoàn thiện, thiết bị dạy nghề được đầu tư, chất lượng đội ngũ giáo viên dạy nghề được nâng cao. Chương trình, giáo trình và phương pháp đào tạo nghề theo hướng tăng cường bài giảng tích hợp, phát huy năng lực của mỗi cá nhân, tăng cường tính chủ động, tích cực của người học nghề, gắn với thực tế sản xuất và phù hợp với sự phát triển của khoa học công nghệ. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn đã tích cực, chủ động trong việc liên kết với doanh nghiệp để gắn đào tạo với giải quyết việc làm sau học nghề. Năm 2017 đã tổ chức đào tạo nghề cho 2.582 lao động nông thôn, trong đó: Nghề phi nông nghiệp: 1.826 học viên, nghề nông nghiệp: 756 học viên. Tỷ lệ lao động có việc làm sau đào tạo nghề đạt tỷ lệ từ 70 – 80%.

Nhiều hộ gia đình ở nông thôn có người lao động học nghề đã tự tạo được việc làm, góp phần tăng thu nhập, ổn định đời sống; Một số lao động sau khi học nghề đã huy động sự tham gia của các thành viên khác, thu hút lao động ở địa phương lập tổ sản xuất, giải quyết việc làm ở nông thôn, tăng thu nhập.

- Khó khăn:

Hiện nay tổ chức sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh chủ yếu vẫn theo quy mô hộ, diện tích sản xuất ít, manh mún, tư liệu sản xuất không đáng kể, sản phẩm hàng hóa ít và khó giữ được vùng nguyên liệu, do đó khó khăn trong việc xây dựng các mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất và nhân rộng để nâng cao thu nhập cho người dân;

Vùng nguyên liệu phục vụ cho công nghiệp chế biến phát triển chưa ổn định, thiếu bền vững. Sản phẩm hàng hoá chưa nhiều; chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm còn thấp; cây mía giảm sút về diện tích; cây mì phát triển nhanh nhưng có nguy cơ xâm hại đến đất lâm nghiệp. Đời sống của người dân nông thôn còn nhiều khó khăn, đầu tư tái sản xuất mở rộng còn nhiều hạn chế nên khó tạo ra đột phá trong sản xuất;

HTX nông nghiệp đã chuyển đổi theo Luật HTX 2012, tuy nhiên hiệu quả chưa cao, chưa phát huy được vai trò hỗ trợ cho hoạt động sản xuất của nông hộ.

Phần lớn các trang trại hoạt động hiệu quả chưa cao. Các hình thức liên kết trong sản xuất còn manh mún, lỏng lẻo, thiếu ràng buộc, chưa hiệu quả và còn nhiều hạn chế.

4. Giảm nghèo và an sinh xã hội

- Về kết quả thực hiện mục tiêu giảm nghèo: Đến cuối năm 2017, tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh giảm 1,9% (đầu năm 2017 còn 13,06% đến cuối năm 2017 giảm xuống còn 11,16%) đạt 102,7% so với kế hoạch đề ra (kế hoạch giảm 1,85%). Trong đó: 06 huyện miền núi giảm từ 41,93% xuống còn 36,97%, giảm 4,96%, đạt 89,53% so với kế hoạch đề ra (kế hoạch giảm 5,54%).

- Kết quả thực hiện các Chương trình an sinh xã hội ở xã, thôn:

Trong năm 2017 đã tích cực triển khai thực hiện chính sách an sinh xã hội và mang lại hiệu quả thiết thực:

+ Chính sách tín dụng ưu đãi: Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh Quảng Ngãi tích cực huy động vốn và đã thực hiện cho vay chương trình tín dụng liên quan đến chính sách cho hộ nghèo. Tổng doanh số cho vay trong năm 2017 là 748.632 triệu đồng, với 26.374 lượt hộ vay, vượt kế hoạch 20%; Tổng dư nợ các chương trình cho vay 2.601.145 triệu đồng, với 105.131 hộ vay, đạt tỷ lệ 93,83% so với kế hoạch hộ vay.

+ Chính sách trợ giúp pháp lý miễn phí cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số và người được trợ giúp pháp lý khác: Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh đã tổ chức tập huấn nghiệp vụ trợ giúp pháp lý cho 80 lượt trợ giúp viên và cộng tác viên trợ giúp pháp lý; tổ chức 60 đợt trợ giúp pháp lý lưu động về cơ sở với 450 lượt người nghèo, dân tộc thiểu số được trợ giúp. Kinh phí thực hiện 703 triệu đồng từ nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ.

+ Chính sách hỗ trợ về giáo dục: Thực hiện chế độ miễn giảm học phí trong năm 2017 cho 68.511 học sinh, kinh phí 53.499 triệu đồng. Trong đó: Hỗ trợ miễn giảm học phí cho 33.322 học sinh, kinh phí 22.401 triệu đồng; hỗ trợ chi phí học tập cho 35.189 học sinh, kinh phí 31.048 triệu đồng.

+ Chính sách hỗ trợ dạy nghề cho người nghèo, người cận nghèo và người dân tộc thiểu số: Tổng số lao động nông thôn được hỗ trợ học nghề theo Đề án 1956 là 302 người nghèo, 79 người cận nghèo và người dân tộc thiểu số với kinh phí thực hiện 1.200 triệu đồng (các khoản hỗ trợ: Học phí, tiền ăn, tiền đi lại).

+ Chính sách hỗ trợ làm nhà ở theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg: Tổng số hộ nghèo được hỗ trợ xây dựng nhà ở trong năm 2017 là 575 hộ với tổng kinh phí cho vay từ ngân hàng chính sách xã hội: 14.375 triệu đồng.

+ Chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người nghèo, đối tượng yếu thế: Chính sách mua bảo hiểm y tế cho người nghèo, người cận nghèo, dân tộc thiểu số và người sống ở xã đặc biệt khó khăn, huyện đảo: Đã cấp thẻ BHYT cho 477.980 đối tượng, tổng kinh phí thực hiện 308.984 triệu đồng. Hỗ trợ tiền điện cho 52.811 đối tượng là hộ nghèo, hộ chính sách xã hội với kinh phí 30.813 triệu đồng. Trợ cấp

bảo trợ xã hội theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP: 71.886 đối tượng, kinh phí 327.287 triệu đồng.

5. Phát triển giáo dục ở nông thôn

- Kết quả thực hiện:

Công tác giáo dục các cấp ở cơ sở được chú trọng, chất lượng giáo dục được nâng cao. Tỉnh đã triển khai thực hiện công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ theo Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đến cuối năm 2017, có 14/14 huyện, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi. 100% xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, tăng 03 xã so với cuối năm 2016.

- Khó khăn: Công tác phát triển giáo dục ở nông thôn được quan tâm, tuy nhiên cơ sở vật chất ở nhiều trường còn chưa hoàn chỉnh, thiếu nhiều hạng mục, trong đó có hệ thống cấp nước, nhà vệ sinh, phòng phục vụ học tập và kể cả phòng học... đã ảnh hưởng ít nhiều đến chất lượng dạy và học.

6. Phát triển y tế cơ sở, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn.

- Kết quả xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở

Mạng lưới y tế cơ sở từng bước được củng cố và phát triển. Ngành y tế đã và đang tập trung đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế hiện đại. Năng lực các bệnh viện tuyến huyện, trạm y tế xã được nâng lên. Công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có chất lượng, chuyên môn đã được chú trọng.

Toàn tỉnh có 105/164 xã đạt chuẩn quốc gia về y tế. 100% số trạm y tế xã có bác sĩ, đảm bảo thực hiện khám chữa bệnh ban đầu cho người dân. Đến cuối năm 2017 toàn tỉnh có 1.135.095 người tham gia BHYT, tỷ lệ người tham gia BHYT đạt khoảng 90,5% so với dân số toàn tỉnh.

- Khó khăn:

Tỷ lệ bao phủ BHYT toàn tỉnh chỉ mới đạt 90,5% trong khi từ tháng 8/2017 sẽ áp dụng khung giá viện phí mới cho các đối tượng không tham gia BHYT, điều này sẽ gây khó khăn về tài chính cho người dân chưa tham gia BHYT.

7. Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn.

- Về xây dựng, phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở:

Nhìn chung các huyện, thành phố đều chú trọng đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa, nhất là nhà sinh hoạt văn hóa thôn, tổ dân phố và trang bị các phương tiện hoạt động như: Tủ sách, thiết bị âm thanh. Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở đã trở thành công cụ tuyên truyền, vận động có hiệu quả các chủ trương chính sách của Đảng, chính quyền, mặt trận, các hội đoàn thể đến mọi người dân góp phần thực hiện tốt các nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội, chính trị, an ninh quốc phòng ở địa phương.

- Về kết quả nhân rộng các mô hình tốt về phát huy bản sắc văn hóa, truyền thống tốt đẹp của từng vùng miền, dân tộc:

Các hoạt động văn nghệ, thể dục, thể thao và công tác tuyên truyền được duy trì thường xuyên nhân các ngày lễ, kỷ niệm của địa phương và đất nước.

Các huyện đã tổ chức hội nghị Sơ kết Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” năm 2016 và triển khai nhiệm vụ năm 2017; tổ chức Đại hội thể dục thể thao năm 2017; Liên hoan nghệ thuật quần chúng tỉnh Quảng Ngãi năm 2017. Qua đó đã thu hút nhiều người dân tham gia góp phần tạo điều kiện để nâng cao hiệu quả thụ hưởng và giữ gìn các giá trị văn hóa truyền thống.

Một số huyện miền núi Quảng Ngãi đã tổ chức lớp nghệ nhân truyền dạy đánh công chiêng, múa truyền thống (Cà đáo), nghệ thuật đấu chiêng; truyền dạy thổi sáo Tà vố (sáo đất), hát calêu cho các em học sinh tại một số trường tiểu học.

Thực hiện Đề án “Bảo tồn, phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, công tác bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa truyền thống, văn hóa các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh được các cấp, các ngành, địa phương quan tâm đầu tư, trong đó có việc triển khai thực hiện công tác điều tra di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn các huyện miền núi: Ba Tơ, Trà Bồng, Minh Long, Sơn Hà, Sơn Tây.

Công tác quản lý lễ hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số được tiến hành thường xuyên. Theo thông lệ hàng năm các làng đồng bào dân tộc thiểu số trong tỉnh đều có tổ chức các lễ hội: Lễ hội ngã rạ của người Cor, lễ hội cầu mưa của người Hrê, lễ hội đâm trâu, lễ hội Điện Trường Bà (huyện Trà Bồng), bên cạnh đó một số lễ hội, các trò chơi dân gian của các dân tộc cũng được phục dựng.

8. Vệ sinh môi trường nông thôn, khắc phục, xử lý ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các làng nghề.

- Chương trình MTQG về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn:

Đã tổ chức các hoạt động hưởng ứng: Tuần lễ nước sạch và vệ sinh môi trường, ngày Môi trường thế giới 05/6 và Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn.

UBND các xã và các cơ quan, đơn vị tiếp tục tăng cường công tác quản lý, duy tu, bảo dưỡng và khai thác có hiệu quả các công trình cấp nước sạch tập trung hiện có trên địa bàn để ngày càng phục vụ tốt hơn về nhu cầu dùng nước của nhân dân ở những vùng hưởng lợi.

Năm 2017 số lượng người được cung cấp nước sinh hoạt tăng thêm khoảng 34.235 người, đưa tỉ lệ người dân nông thôn dùng nước hợp vệ sinh năm 2017 đạt 89,2%, tăng 1,4%, đạt 100% kế hoạch, trong đó đó 51,7% là nước sạch đạt quy chuẩn quốc gia.

- Xây dựng các công trình bảo vệ môi trường nông thôn trên địa bàn xã, thôn theo quy hoạch; thu gom và xử lý chất thải, nước thải theo quy định; cải tạo nghĩa trang; xây dựng cảnh quan môi trường xanh – sạch – đẹp:

Hiện nay, hộ gia đình nông thôn có nhà vệ sinh đạt 183.986 hộ, đưa tỷ lệ hộ dân có nhà xí hợp vệ sinh lên khoảng 62%. Đồng thời với việc đầu tư xây dựng nhà vệ sinh người dân cũng tăng cường xây dựng, nâng cấp, chuyển đổi vị trí chuồng trại chăn nuôi, xây dựng công trình Biogas, hố ủ để xử lý chất thải chăn nuôi, giữ gìn vệ sinh môi trường. Đến nay có khoảng 4.700 hầm biogas được người dân đầu tư xây dựng đã làm cho cảnh quan môi trường nông thôn khang trang, sạch sẽ hơn.

Cùng với hộ gia đình, các cấp chính quyền cũng đã quan tâm hơn đến vấn đề vệ sinh môi trường nông thôn, nhiều địa phương ngoài việc thu phí từ hộ dân, đã trích ngân sách để hỗ trợ việc tổ chức thuê công ty môi trường, các đội vệ sinh dịch vụ tổ chức thu gom vận chuyển, xử lý rác thải, nhờ vậy đã nâng tỉ lệ chất thải rắn ở khu vực nông thôn được thu gom, xử lý đạt khoảng 50%. Một số xã có điều kiện đã xây dựng điểm thu gom, xử lý rác thải, cải tạo, chỉnh trang nghĩa trang nhân dân (Đức Thạnh, Tịnh Trà, Tịnh Khê, Phổ Ninh ...).

- Khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các làng nghề bị ô nhiễm đặc biệt nghiêm trọng.

Hoạt động sản xuất của các làng nghề, ngành nghề nông thôn ở tỉnh phần lớn mang tính tự phát, manh mún, sản xuất theo phương pháp thủ công, truyền thống, theo quy mô hộ gia đình, tập trung ở khu dân cư. Do vậy, tỉnh đã chỉ đạo các sở ngành tham mưu lập quy hoạch tập trung đưa các làng nghề, ngành nghề gây ô nhiễm môi trường ra khỏi khu dân cư.

Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố triển khai nhiều hoạt động liên quan đến công tác bảo vệ môi trường như: Tuyên truyền, nâng cao ý thức của người dân trên các phương tiện thông tin đại chúng, tổ chức các lớp tập huấn, hội thảo về môi trường, tổ chức các hoạt động về bảo vệ môi trường nhân dịp kỷ niệm “Ngày môi trường thế giới” và “Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn”...; tổ chức các hội thi tìm hiểu về chính sách và pháp luật về bảo vệ môi trường.... Ngoài ra, các Doanh nghiệp, cơ sở ngành nghề nông thôn khi chuyển vào Cụm, Điểm Công nghiệp - Làng nghề được kiểm tra báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định.

- Những khó khăn, vướng mắc:

Khối lượng rác thải ngày càng tăng lên, nhu cầu thu gom và xử lý rác lớn trong khi quy mô khu xử lý rác chưa đủ công suất xử lý; ý thức của một bộ phận nhân dân còn hạn chế nên tình trạng vứt rác bừa bãi ra đường, sông suối vẫn còn diễn ra ở nhiều khu dân cư, người dân chưa tự phân loại rác để xử lý; một số địa phương tình trạng các hộ dân chăn nuôi gia súc để phân gia súc chảy tràn ra đường gây ô nhiễm và mất mỹ quan vẫn còn.

9. Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới; cải thiện và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân.

- Kết quả đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, năng lực quản lý hành chính, quản lý kinh tế - xã hội chuyên sâu cán bộ, công chức xã

Để thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, năng lực quản lý hành chính, quản lý kinh tế xã hội chuyên sâu cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã, UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành: Quyết định số 491/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 phê duyệt Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã năm 2017 theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 1017/QĐ-UBND ngày 31/5/2017 phê duyệt Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp cơ sở năm 2017 theo Quyết định số 124/QĐ-TTg ngày 16/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

Năm 2017: Cán bộ, công chức cấp xã được đào tạo chuyên môn và lý luận chính trị là 931 lượt cán bộ, công chức (trong đó: Đào tạo trình độ đại học chuyên tiếp từ các năm trước chuyển sang năm 2017 cho 642 lượt và đào tạo lý luận chính trị cho 289 lượt). Bồi dưỡng, tập huấn cho 3.774 lượt cán bộ, công chức cấp xã. Bồi dưỡng cho 4.372 đại biểu HĐND cấp xã nhiệm kỳ 2016-2021.

* Số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã cụ thể như sau:

+ Về số lượng: Hiện có 3.796 người, trong đó: 1.857 cán bộ, chiếm 48,92%, 1.939 công chức, chiếm 51,08%.

+ Về chất lượng:

Trình độ văn hóa: THPT 3.718 người, chiếm 97,95%; THCS 74 người, chiếm 1,95%; Tiểu học 4 người, chiếm 0,11%.

Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: Thạc sĩ 29 người, chiếm 0,76%; đại học 1.850 người, chiếm 48,74%; cao đẳng 131 người, chiếm 3,45%; trung cấp 1.531 người, chiếm 40,33%; sơ cấp và chưa qua đào tạo 255 người, chiếm 6,72%.

Trình độ lý luận chính trị: cao cấp, cử nhân 81 người, chiếm 2,13%; trung cấp 2.446 người, chiếm 64,44%; sơ cấp 711 người, chiếm 18,73%; chưa qua đào tạo 558 người, chiếm 14,70%.

- Cải thiện và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công.

Thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 05/12/2016 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 6 khóa XIX về cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 – 2020, UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương thường xuyên rà soát, cập nhật, đơn giản hóa thủ tục hành chính để trình UBND tỉnh công bố, công bố lại bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết nhằm tạo điều kiện cho tổ chức và công dân biết, thực hiện và giám sát. Trong năm 2017 ban hành mới 16 thủ tục hành chính, sửa đổi, bổ sung 46 thủ tục hành chính, thay thế 02 thủ tục hành chính và bãi bỏ 09 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của các Sở: Y tế, Nội vụ, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường. Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành quyết định công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, xã thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính.

Toàn tỉnh có 18/21 sở, ban, ngành và 13/14 huyện, thành phố thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông, cơ chế một cửa theo hướng hiện đại. Sở Giao thông vận tải đã khai trương, đưa vào hoạt động Cổng thông tin điện tử dịch vụ hành chính công để cung cấp một số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 cho tổ chức, công dân; UBND huyện Sơn Hà đã cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 cho công dân qua Internet, các hồ sơ được đăng ký và tiếp nhận qua mạng 04 thủ tục hành chính; Sở Kế hoạch và Đầu tư và Cục thuế tỉnh thực hiện cơ chế một cửa liên thông theo Hệ thống thôn tin đăng ký doanh nghiệp Quốc gia trong cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Đối với các xã, phường, thị trấn hiện có 177/184 đơn vị thực hiện cơ chế 1 cửa.

- Đánh giá, công nhận, xây dựng xã tiếp cận pháp luật; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân:

Thực hiện Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, Sở Tư pháp đã tổ chức 02 hội nghị tập huấn triển khai quy định về xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật với 02 nội dung: Quán triệt các quy định về xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và hướng dẫn nghiệp vụ đánh giá cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật cho hơn 400 đại biểu.

- Những khó khăn:

Trình độ tiếp thu của người dân hạn chế, đồng thời một số người dân thiếu quan tâm đúng mức đối với công tác tiếp cận pháp luật là khó khăn cho công tác triển khai ở cơ sở.

10. Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn.

- Kết quả thực hiện đấu tranh, ngăn chặn và đẩy lùi các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo đảm an toàn, an ninh, trật tự xã hội:

Tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh tiếp tục được giữ vững, ổn định. Tập trung các biện pháp hữu hiệu, thực hiện quyết liệt công tác đảm bảo trật tự, an toàn giao thông, nhằm giảm thiểu đến mức thấp nhất các vụ tai nạn đường bộ. Trong năm 2017 toàn tỉnh đã xảy ra 569 vụ vi phạm pháp luật, giảm 88 vụ so với năm 2016. 558 vụ tai nạn giao thông đường bộ, làm chết 129 người và bị thương 691 người, xảy ra 02 vụ tai nạn đường sắt, chết 02 người.

Hàng năm Đảng ủy xã có nghị quyết chuyên đề về công tác đảm bảo an ninh trật tự, trường Công an xã tham mưu cho Đảng ủy, UBND xã lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch về công tác đảm bảo an ninh trật tự; Lực lượng công an xã được xây dựng và củng cố, phân loại thi đua đạt danh hiệu tiên tiến trở lên. Kiên quyết không để xảy ra: Phá hoại các mục tiêu, công trình kinh tế, văn hóa, an ninh quốc phòng; các hoạt động chống đối Đảng, chính quyền, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân; các hoạt động tuyên truyền phát triển đạo trái pháp luật, gây rối an ninh trật tự; mâu thuẫn, tranh chấp phức tạp trong nội bộ nhân dân.

- Kết quả thực hiện xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân, đảm bảo giữ vững chủ quyền quốc gia:

Công tác tuyển quân được triển khai thực hiện tốt, đạt 100% chỉ tiêu được giao; Xây dựng đảm bảo số lượng dân quân tự vệ năm 2017. Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, phối hợp với các lực lượng khác bảo vệ an toàn tuyệt đối các mục tiêu trọng điểm, tăng cường công tác bảo vệ an ninh, chủ quyền vùng biển.

11. Công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình

- Đối với các sở ban ngành, Hội đoàn thể:

+ Theo cơ cấu tổ chức, các sở ngành hội đoàn thể tỉnh là thành viên Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh; việc đôn đốc các sở ngành, hội đoàn thể tỉnh thực hiện Chương trình thông qua họp trực báo định kỳ của Ban Chỉ đạo tỉnh và được thể chế bằng các Thông báo kết luận của Trưởng Ban Chỉ đạo tại kỳ họp để các đơn vị tổ chức thực hiện;

+ Năm 2017 Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh đã tổ chức giám sát việc lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi từ năm 2010 đến 30/6/2017 tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và UBND các huyện: Nghĩa Hành, Tư Nghĩa, Bình Sơn và Minh Long. Đoàn giám sát cũng đã nghiên cứu một số báo cáo của UBND các huyện còn lại. Qua giám sát Đoàn cũng đã chỉ ra một số tồn tại yếu kém trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình;

+ Với nhiệm vụ là cơ quan Thường trực Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chủ động phối hợp với các sở ngành hội đoàn thể tỉnh trong từng nội dung, lĩnh vực, tiêu chí do sở ngành phụ trách để tham mưu, đề xuất UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh trong công tác chỉ đạo, điều hành; Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh đã xây dựng kế hoạch và tổ chức làm việc cụ thể với 18 xã và 01 huyện theo kế hoạch đạt chuẩn nông thôn mới năm 2017, qua đó đã đánh giá được tình hình cụ thể thực hiện Bộ tiêu chí nông thôn mới tại địa phương trên, những tồn tại, khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện, đề xuất những giải pháp và kiến nghị cụ thể để đảm bảo đến cuối năm 2017 hoàn thành mục tiêu đề ra;

+ Các sở, ngành, tổ chức chính trị - xã hội tỉnh theo chức năng nhiệm vụ được phân công đã giúp đỡ hướng dẫn các địa phương tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến tiêu chí mình phụ trách.

- Đối với UBND các huyện, thành phố:

UBND huyện, thành phố đã chỉ đạo các phòng, ban liên quan tích cực bám sát cơ sở để kiểm tra các hoạt động chuyên môn, tiến độ thực hiện đầu tư, nghiệm thu các công trình cơ sở hạ tầng ở cấp xã. Giao Văn phòng nông thôn mới huyện, thành phố thường xuyên theo dõi, đôn đốc, hỗ trợ UBND, Ban Chỉ đạo các xã triển khai các nhiệm vụ nhằm đẩy mạnh hiệu quả thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

- Những khó khăn, vướng mắc:

Việc theo dõi, thống kê, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện Chương trình ở một số huyện, thành phố còn rất chậm cụ thể các huyện: Bình Sơn, Tây Trà, Sơn Tây, Sơn Hà, Trà Bồng, Minh Long, Đức Phổ. Số liệu báo cáo không cụ thể, rõ ràng nên gây khó khăn trong công tác tổng hợp, báo cáo của cấp tỉnh.

12. Kết quả huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực

a) Kết quả huy động các nguồn lực để thực hiện Chương trình.

Năm 2017: 3.093.380 triệu đồng, trong đó:

- Vốn Trung ương: 186.080 triệu đồng, gồm:

+ Vốn sự nghiệp: 41.800 triệu đồng

+ Vốn đầu tư phát triển: 144.280 triệu đồng

- Vốn địa phương: 354.541 triệu đồng, gồm:

+ Ngân sách tỉnh: 166.121 triệu đồng

+ Ngân sách huyện, xã: 188.420 triệu đồng.

- Vốn lồng ghép: 795.563 triệu đồng

- Vốn tín dụng: 1.476.090 triệu đồng

- Vốn doanh nghiệp: 100.095 triệu đồng

- Đóng góp của người dân: 181.011 triệu đồng

(Phụ biểu số 02 kèm theo)

b) Kết quả phân bổ, sử dụng vốn ngân sách Trung ương theo quy định.

Tổng ngân sách Trung ương năm 2017: 186.080 triệu đồng, trong đó:

- Vốn sự nghiệp: 41.800 triệu đồng

+ Bổ sung từ ngân sách Trung ương cho thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2016: 2.500 triệu đồng.

UBND tỉnh đã phân bổ để hỗ trợ phát triển sản xuất nâng cao thu nhập cho 10 xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới đến năm 2020: Phổ Văn, Phổ Thuận, Ba Động, Hành Tín Tây, Hành Dũng, An Hải, An Vĩnh, Bình Phú, Bình Mỹ, Bình Phước (250 triệu đồng/xã).

(Quyết định số 521/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)

+ Kinh phí sự nghiệp ngân sách Trung ương cho Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2017: 37.700 triệu đồng:

Nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới các cấp: 984 triệu đồng;

Tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới: 1.304 triệu đồng;

Giám sát, đánh giá: 566 triệu đồng;

Hỗ trợ phát triển sản xuất: 20.550 triệu đồng;

Đào tạo nghề cho lao động nông thôn: 3.000 triệu đồng;

Phát triển giáo dục ở nông thôn: 2.000 triệu đồng;

Vệ sinh môi trường nông thôn: 1.016 triệu đồng;

Duy tu, bảo dưỡng các công trình: 8.280 triệu đồng

(Quyết định số 808/QĐ-UBND ngày 28/4/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh và điều chỉnh tại Quyết định số 1876/QĐ-UBND ngày 11/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)

+ Kinh phí bổ sung năm 2017: 1.600 triệu đồng

Trả nợ quy hoạch: 921 triệu đồng

Thực hiện Kế hoạch triển khai thực hiện Khu dân cư nông thôn kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi: 120 triệu đồng

Điều tra, khảo sát, xây dựng Đề án “Chương trình quốc gia Mỗi xã một sản phẩm”: 559 triệu đồng.

(Quyết định số 1518/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)

- Vốn đầu tư phát triển: 144.280 triệu đồng, theo đó:

+ Trả nợ các công trình hoàn thành còn thiếu vốn (đã được UBND tỉnh giao kế hoạch vốn đầu tư nguồn vốn ngân sách Trung ương và Trái phiếu Chính phủ từ các năm trước): 14.995 triệu đồng

+ Giao thông 128 công trình: 68.314 triệu đồng.

+ Thủy lợi 58 công trình: 30.272 triệu đồng

+ Trường học 13 công trình: 10.094 triệu đồng

+ Cơ sở vật chất văn hóa 45 công trình: 18.715 triệu đồng

+ Cầu 01 công trình: 590 triệu đồng

+ Khác 02 công trình: 1.300 triệu đồng

(Quyết định số 464/QĐ-UBND ngày 20/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh và điều chỉnh tại các Quyết định số: 740/QĐ-UBND ngày 21/4/2017 và 1175/QĐ-UBND ngày 22/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh; Quyết định số 1519/QĐ-UBND ngày 15/8/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh).

(Phụ biểu số 03 kèm theo)

c) Kết quả thực hiện các nguồn vốn

(Phụ biểu số 04 kèm theo)

d) Kết quả giải ngân kế hoạch vốn đầu tư năm 2017

Tính đến 31/12/2017, giá trị giải ngân các nguồn vốn đầu tư trung ương, tỉnh đạt 92,03%.

(Phụ biểu số 05 kèm theo)

đ) Kết quả thực hiện cơ chế đầu tư đặc thù

Thực hiện Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 – 2020, tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành Danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng, cụ thể:

- Đường trục thôn, bản và đường liên thôn, bản (cấp C theo Quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải).

- Đường ngõ, xóm (cấp D theo Quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải).

- Đường trục chính nội đồng (cấp D theo Quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải).

- Kiên cố hóa kênh mương loại III.

- Trường mầm non, mẫu giáo.

- Nhà văn hóa thôn, bản.

- Chợ nông thôn.

e) Tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản

Tổng số nợ đọng xây dựng cơ bản Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh: 161,489 tỷ đồng, gồm: Ngân sách trung ương 392 triệu đồng, ngân sách tỉnh 46,995 tỷ đồng, ngân sách huyện, xã và vốn khác 144,102 tỷ đồng.

Tỉnh đã chỉ đạo và xác định phương án xử lý nợ đọng để đạt được mục tiêu từ nay đến năm 2019 giải quyết dứt điểm nợ đọng:

- Đối với nợ đọng ngân sách tỉnh và trung ương: Tỉnh dự kiến phương án phân bổ kế hoạch vốn năm 2018 thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, trong đó dự kiến cân đối phần vốn 47,387 tỷ đồng từ nguồn vượt thu dự toán ngân sách tỉnh năm 2017 để xử lý dứt điểm nợ đọng này.

- Đối với phần nợ đọng ngân sách huyện, xã: Tỉnh đã chỉ đạo các địa phương xây dựng phương án và lộ trình xử lý dứt điểm phần nợ nêu trên trong kế hoạch vốn của các địa phương trong giai đoạn 2016 – 2020.

g) Đánh giá chung về công tác huy động, quản lý và sử dụng nguồn lực

- Thuận lợi:

Trong điều kiện khó khăn về ngân sách, nhưng cùng với nguồn ngân sách trung ương, tỉnh đã cố gắng cân đối, bố trí bổ sung nguồn lực đáng kể cho việc thực hiện Chương trình. Đã huy động được sự đóng góp của mọi tầng lớp nhân dân cho đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, nhờ vậy hạ tầng nông thôn một số địa phương đã có nhiều chuyển biến rõ nét.

Đã huy động đa dạng các nguồn lực khác để đầu tư xây dựng nông thôn mới, đặc biệt là vốn lồng ghép từ các Chương trình, dự án khác như chương trình 30a, 135, chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo...

Các huyện, xã đã chủ động bố trí ngân sách địa phương đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng. Chương trình được sự đồng thuận cao của người dân nông thôn thông qua việc tham gia hiến đất, công trình, vật kiến trúc để xây dựng đường giao thông, kiên cố hóa kênh mương nội đồng, xây dựng trường học, nhà văn hóa.

- Khó khăn:

Nguồn lực địa phương bố trí cho xây dựng nông thôn mới còn thấp; việc huy động vốn trong dân, trong cộng đồng dân cư và của doanh nghiệp cho xây dựng nông thôn mới không đáng kể, chủ yếu trông chờ vào nguồn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước;

Cơ chế lồng ghép các chương trình, dự án khác trên địa bàn với xây dựng nông thôn mới chưa được các sở, ngành, địa phương thực hiện hiệu quả;

Công tác tổng hợp số liệu báo cáo về nguồn vốn: Vốn lồng ghép từ các chương trình dự án khác, vốn huy động nhân dân, doanh nghiệp đóng góp, vốn tín dụng của các địa phương chưa đầy đủ và kịp thời, một số địa phương không tổng hợp được nguồn vốn huy động nhân dân gây khó khăn trong công tác tổng hợp báo cáo.

Đăng ký danh mục đầu tư năm 2017 nói riêng và hàng năm nói chung của nhiều địa phương mang tính chủ quan, không dựa trên cơ sở xem xét đề án, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chưa tuân thủ danh mục đã đăng ký tại kế hoạch đầu tư trung hạn (giai đoạn 2016 – 2020).

7. Kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới

a) Huyện đạt chuẩn nông thôn mới:

Huyện Nghĩa Hành đã được Đoàn thẩm tra của tỉnh thẩm tra, đánh giá kết quả thực hiện tiêu chí huyện nông thôn mới năm 2017 và đang hoàn chỉnh hồ sơ thủ tục, lấy ý kiến của các Hội đoàn thể tỉnh, UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh về kết quả thực hiện của huyện trước khi trình Ban Chỉ đạo Trung ương xem xét thẩm định công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới năm 2017.

b) Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới

Theo số liệu tổng hợp từ báo cáo của các huyện, thành phố, kết quả thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh đến 31/12/2017:

- Số xã đạt số tiêu chí theo nhóm:

+ Nhóm 1 (đạt 19 tiêu chí): 41 xã

+ Nhóm 2 (đạt từ 15 - 18 tiêu chí): 14 xã

+ Nhóm 3 (đạt từ 10 - 14 tiêu chí): 56 xã

+ Nhóm 4 (đạt từ 5 - 9 tiêu chí): 35 xã

+ Nhóm 5 (đạt dưới 5 tiêu chí): 18 xã, trong đó:

Ba Tơ: 6 xã (4 xã 4TC, 2 xã 3TC)

Sơn Hà: 1 xã (1 xã 4TC)

Sơn Tây: 3 xã (1 xã 4TC, 2 xã 3TC)

Tây Trà: 8 xã (4 xã 4TC, 4 xã 3TC)

- Số xã đạt từng tiêu chí:

+ Các tiêu chí nhiều xã đạt (11 tiêu chí), gồm: Tiêu chí 1 (Quy hoạch): 160 xã, Tiêu chí 8 (Thông tin và Truyền thông): 143 xã, Tiêu chí 4 (Điện): 149 xã, Tiêu chí 19 (Quốc phòng và An ninh): 121 xã, Tiêu chí 12 (Lao động có việc làm): 136 xã, Tiêu chí 15 (Y tế): 105 xã, Tiêu chí 14 (Giáo dục và Đào tạo): 121 xã, Tiêu chí 7 (Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn): 122 xã, Tiêu chí 9 (Nhà ở dân cư): 114 xã, Tiêu chí 16 (Văn hóa): 126 xã, Tiêu chí 13 (Tổ chức sản xuất): 97 xã.

+ Các tiêu chí có ít xã đạt (8 tiêu chí) gồm: Tiêu chí 3 (Thủy lợi): 89 xã, Tiêu chí 18 (Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật): 86 xã, Tiêu chí 11 (Hộ nghèo): 83 xã, Tiêu chí 10 (Thu nhập): 69 xã, Tiêu chí 17 (Môi trường và An toàn thực phẩm): 65 xã, Tiêu chí 5 (Trường học): 69 xã, Tiêu chí 6 (Cơ sở vật chất văn hóa): 60 xã, Tiêu chí 2 (Giao thông): 56 xã.

- Số tiêu chí bình quân/xã: 12,08 (tăng 1,2 so với cuối 2016: 10,88 vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra, kế hoạch bình quân 12 tiêu chí/xã)

Các huyện có số tiêu chí bình quân/xã tăng so với cuối năm 2016 là: Bình Sơn, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Đức Phổ, Sơn Tây, Ba Tơ, Lý Sơn, Trà Bồng, Sơn Hà, Mộ Đức, Minh Long, Sơn Tịnh và thành phố Quảng Ngãi.

Huyện có số tiêu chí bình quân/xã giảm so với cuối năm 2016 là: Tây Trà. Nguyên nhân do năm 2017 đánh giá lại có 4 xã bị rớt tiêu chí số 19 Quốc phòng và an ninh, các tiêu chí còn lại không tăng so với năm 2016.

(Phụ biểu số 06, 07 kèm theo)

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả nổi bật đã đạt được

- Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh đã kịp thời ban hành, sửa đổi các Nghị quyết và quyết định phù hợp với Trung ương để tập trung chỉ đạo thực hiện Chương trình.

- Đã kịp thời kiện toàn hệ thống tổ chức chỉ đạo, bộ máy quản lý thực hiện Chương trình để kịp thời chỉ đạo, điều phối việc thực hiện;

- Đã ưu tiên tập trung nguồn lực đầu tư cho các xã đăng ký phấn đấu đạt chuẩn xã nông thôn mới năm 2017, tạo điều kiện cho các xã đạt chuẩn nông thôn mới theo kế hoạch đề ra.

- Công tác phát triển sản xuất nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống, giảm tỷ lệ hộ nghèo ở nông thôn đã được quan tâm đầu tư; các nội dung về văn hóa, xã hội,

giáo dục, môi trường bước đầu được quan tâm, góp phần làm cho đời sống tinh thần của người dân nông thôn phát triển theo hướng lành mạnh hơn, văn minh hơn; hệ thống chính trị tiếp tục được tăng cường và củng cố; an ninh trật tự, an toàn xã hội nông thôn tiếp tục được giữ vững.

2. Những hạn chế, tồn tại và nguyên nhân

Việc theo dõi, quản lý và báo cáo tiến độ thực hiện của các địa phương còn hạn chế, báo cáo không kịp thời theo chế độ định kỳ và theo văn bản chỉ đạo của tỉnh, dẫn đến khó khăn, vướng mắc trong quá trình quản lý điều hành chương trình.

- Nhu cầu, nội dung đầu tư các xã khá lớn trong khi vốn trung ương, tỉnh đầu tư cho chương trình năm 2017 chưa đủ đáp ứng yêu cầu của các địa phương, nguồn lực của các địa phương hạn hẹp, các nguồn huy động khác như tín dụng, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư cho xây dựng nông thôn mới không đáng kể.

- Một số hạng mục công trình đã được phân bổ vốn đầu tư song tiến độ triển khai thực hiện còn chậm, ảnh hưởng đến việc hoàn thành chất lượng công trình đúng tiến độ.

- Tiến độ thực hiện Chương trình không đồng đều, có sự chênh lệch tương đối lớn giữa các huyện, thành phố trong tỉnh, giữa vùng đồng bằng và các huyện miền núi. Các xã thuộc các huyện miền núi ít có chuyển biến, số dưới 5 tiêu chí còn nhiều (18 xã).

- Hoạt động phát triển sản xuất trong xây dựng nông thôn mới còn nhiều khó khăn, các địa phương vẫn còn lúng túng trong việc đề xuất, lựa chọn mô hình thực hiện; Hình thức thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất chưa tạo sự đột phá về phát triển sản xuất hàng hóa, nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn, do đó: Một số tiêu chí mền như thu nhập, hộ nghèo khó đạt được.

- Nhân sự trong các tổ chức chỉ đạo, điều hành; bộ máy giúp việc, quản lý thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới từ cấp tỉnh đến xã luôn có biến động thay đổi làm cho công tác chỉ đạo, điều hành, theo dõi thực hiện Chương trình thiếu tính liên tục, kịp thời.

- Sự chỉ đạo, điều hành của một số địa phương chưa đáp ứng yêu cầu; thiếu kiểm tra, đôn đốc, chưa kịp thời tham mưu đề xuất để giải quyết một số vướng mắc phát sinh trong tổ chức thực hiện; trách nhiệm về quản lý của một số sở, ngành còn hạn chế, chưa thực hiện chế độ định kỳ báo cáo cho Ban chỉ đạo tỉnh; công tác hướng dẫn, chỉ đạo cấp cơ sở triển khai, thực hiện tiêu chí do ngành quản lý chưa kịp thời.

- Tiến độ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới của tỉnh còn chậm so với bình quân chung của cả nước, số xã đạt chuẩn nông thôn mới thấp: 25% (cả nước 35,4%).

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NĂM 2018

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Xây dựng nông thôn mới để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân; có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phù hợp; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn phát triển nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị; xã hội nông thôn dân chủ, bình đẳng, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; quốc phòng và an ninh, trật tự được giữ vững.

2. Mục tiêu cụ thể:

- Huyện Tư Nghĩa đạt chuẩn nông thôn mới.
- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới: 19 xã (lũy kế là 60 xã), cụ thể:
 - + Huyện Bình Sơn: 03 xã (Bình Long, Bình Mỹ, Bình Phú);
 - + Huyện Sơn Tịnh: 02 xã (Tịnh Trà, Tịnh Sơn);
 - + Huyện Tư Nghĩa: 05 xã (Nghĩa Trung, Nghĩa Mỹ, Nghĩa Hiệp, Nghĩa Thắng, Nghĩa Thọ)
 - + Huyện Mộ Đức: 02 xã (Đức Hiệp, Đức Phú)
 - + Huyện Đức Phổ: 02 xã (Phổ Thuận, Phổ Ninh)
 - + TP. Quảng Ngãi: 02 xã (Tịnh Kỳ, Nghĩa An)
 - + Huyện Ba Tơ: 01 xã (Ba Động)
 - + Huyện Trà Bồng: 01 xã (Trà Bình)
 - + Huyện Lý Sơn: 01 xã (An Hải)
- Số tiêu chí bình quân/xã: 13,5
- Số xã đạt dưới 5 tiêu chí \leq 10 xã.

II. CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Công tác tuyên truyền, vận động

Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền vận động, tạo sự chuyển biến hơn nữa về nhận thức cho cán bộ các cấp và người dân về Chương trình xây dựng nông thôn mới.

Tiếp tục quán triệt, đẩy mạnh triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về nông thôn mới: Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 15/12/2016 của Ban Bí thư Trung ương về Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh”; Nghị quyết số 32/2016/QH14 ngày 23/11/2016 của Quốc hội về tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp; Chỉ thị số 36/CT-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh

thực hiện hiệu quả, bền vững Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2016 – 2020; Kết luận số 265-KL/TU ngày 07/4/2017 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 7 Khóa XIX về việc điều chỉnh chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới trong Kết luận số 30-KL/TU ngày 26/4/2016 về phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020.

2. Nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành

Phân giao cụ thể chỉ tiêu về xây dựng nông thôn mới cho các địa phương thực hiện. Chỉ tiêu được đưa vào Nghị quyết và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2018 của các địa phương để tập trung chỉ đạo thực hiện. Tổ chức ký cam kết và chịu trách nhiệm giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền của địa phương với cấp ủy, chính quyền cấp trên về công tác lãnh đạo, chỉ đạo và kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới ở địa bàn.

Tăng cường hơn nữa vai trò, trách nhiệm của các sở, ngành trong triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Phân công trách nhiệm cho các sở, ngành, đoàn thể chính trị xã hội giúp đỡ các xã phấn đấu thực hiện đạt chuẩn nông thôn mới. Các sở, ngành xây dựng kế hoạch chi tiết để tổ chức thực hiện hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2018, tăng cường công tác hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá tiến độ triển khai thực hiện Chương trình; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc tại cơ sở.

Các hội, đoàn thể phối hợp với Ban Chỉ đạo tỉnh thực hiện xây dựng và triển khai kịp thời, có hiệu quả kế hoạch các hoạt động tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

3. Tiếp tục kiện toàn Ban Chỉ đạo, bộ máy giúp việc các cấp và tăng cường đào tạo tập huấn đội ngũ cán bộ trực tiếp tham gia thực hiện Chương trình.

- UBND các cấp tiếp tục kiện toàn Ban Chỉ đạo: Thành lập 01 Ban Chỉ đạo chung cho 02 Chương trình: MTQG giảm nghèo bền vững và MTQG xây dựng nông thôn mới. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho mỗi thành viên Ban Chỉ đạo để nâng cao trách nhiệm trong việc chỉ đạo, hướng dẫn, theo dõi thực hiện các tiêu chí do ngành mình phụ trách.

- Tiếp tục củng cố, kiện toàn bộ máy tham mưu, giúp việc Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu các cấp theo hướng chuyên trách, chuyên nghiệp; Bổ sung cán bộ chuyên trách văn phòng cho đủ lượng theo quy định; Phân công cụ thể nhiệm vụ và gắn trách nhiệm đối với các thành viên kiêm nhiệm được bố trí từ các ngành; Phát huy vai trò của thành viên kiêm nhiệm trong việc xây dựng kế hoạch hàng năm, việc lồng ghép các nguồn lực với thực hiện các nội dung, tiêu chí của Chương trình nông thôn mới.

- Tiếp tục tăng cường đào tạo, tập huấn đội ngũ cán bộ trực tiếp tham gia thực hiện Chương trình để họ có đủ trình độ năng lực trong công tác tham mưu, đề xuất Ban Chỉ đạo các cấp về quản lý điều hành Chương trình, đủ năng lực giám sát, đánh giá và tổ chức thực hiện Chương trình.

4. Tập trung chỉ đạo để tạo sự chuyển biến và đạt được mục tiêu theo từng nhóm xã:

a) Đối với huyện, xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới trong năm 2018

Tập trung chỉ đạo 19 xã và huyện Tư Nghĩa kế hoạch đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018.

Đối với các xã miền núi, hải đảo, nhóm các tiêu chí về Kinh tế và Tổ chức sản xuất (tiêu chí số 10. Thu nhập, 11. Hộ nghèo, 13. Tổ chức sản xuất) hiện còn rất thấp chưa đạt so với quy định. Yêu cầu UBND các huyện: Ba Tơ, Trà Bồng, Lý Sơn phải có kế hoạch, giải pháp cụ thể và cam kết chỉ đạo, hỗ trợ tạo điều kiện để các xã đạt chuẩn năm 2018 hoàn thành các tiêu chí trên.

b) Đối với xã theo lộ trình đạt chuẩn nông thôn mới vào năm 2019 – 2020

Tập trung giữ vững các tiêu chí đã đạt, lồng ghép và cân đối nguồn lực để thực hiện nội dung các tiêu chí chưa đạt, trong đó chú trọng 02 tiêu chí khó là Thu nhập (Tiêu chí số 10), Hộ nghèo (Tiêu chí số 11). Rà soát, xây dựng lộ trình, có giải pháp tích cực để đến cuối năm hoàn thành thêm 2 - 3 tiêu chí.

c) Đối với các nhóm xã còn lại

Sử dụng, huy động, lồng ghép có hiệu quả các nguồn lực, tập trung chỉ đạo để tạo sự chuyển biến rõ nét trên các lĩnh vực, phấn đấu tăng 1,5 – 2 tiêu chí/năm để góp phần cùng tỉnh đạt chỉ tiêu số tiêu chí bình quân/xã: 16,5 vào năm 2020 làm tiền đề phấn đấu xã đạt chuẩn ở những năm tiếp theo.

Riêng đối với các xã dưới 5 tiêu chí, các huyện: Ba Tơ, Sơn Hà, Sơn Tây, Tây Trà phải tập trung tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho cán bộ, đảng viên và mỗi người dân về xây dựng nông thôn mới để phấn đấu đến cuối năm 2018 giảm 50% và năm 2019 không còn xã dưới 5 tiêu chí.

d) Đối với các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới

Tổ chức rà soát, đánh giá lại theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020, có giải pháp cụ thể đối với từng tiêu chí nhằm giữ vững và nâng cao chất lượng tiêu chí; Chú trọng các giải pháp phát triển kinh tế, phát triển các mô hình sản xuất hiệu quả gắn với thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp để nâng cao thu nhập cho người dân;

Tập trung xây dựng các “Khu dân cư nông thôn kiểu mẫu” ở những xã được chọn làm thí điểm. Có kế hoạch duy tu, bảo dưỡng và phát huy hiệu quả các công trình cơ sở hạ tầng đã được xây dựng, tạo cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp tiến tới xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu.

5. Điều chỉnh, xây dựng mới cơ chế, chính sách có liên quan

- Tham mưu cho UBND tỉnh Ban hành Quy định cụ thể các mức chi, mức hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020 trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Tham mưu UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh: Nghị quyết Quy định

chi thù lao cộng tác viên tại xã, phường, thị trấn tham gia hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản, cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em và các hoạt động y tế khác, số lượng cộng tác viên của từng xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020.

6. Phát triển sản xuất gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp, áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho cư dân nông thôn.

- Thực hiện có hiệu quả Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm”, xây dựng dự án liên kết sản xuất với doanh nghiệp theo chuỗi giá trị gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông sản. Tập trung đẩy nhanh thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với phát triển ngành nghề, mở rộng liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị; thu hút đầu tư vào phát triển sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ trên địa bàn.

- Nghiên cứu có giải pháp hỗ trợ các HTX nông nghiệp đã chuyển đổi và thành lập mới theo Luật HTX năm 2012 hoạt động có hiệu quả; các hợp tác xã nông nghiệp không, chưa chuyển đổi theo Luật HTX năm 2012 phải giải thể hoặc chuyển thể hoạt động dưới hình thức khác phù hợp với điều kiện từng nơi, từng vùng. Phát triển kinh tế tập thể đa dạng với nhiều loại hình, thu hút nhiều lao động tham gia làm ra nhiều sản phẩm hàng hóa đủ sức mạnh cạnh tranh, phù hợp với thị trường; chú trọng thực hiện hỗ trợ phát triển hợp tác xã theo quy định tại Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn 2015 – 2020.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất bao gồm cả nông nghiệp công nghệ cao. Chú trọng việc xây dựng các công trình hạ tầng cơ bản tại các xã, thôn gắn với phát triển sản xuất, đời sống hằng ngày của người dân. Mỗi xã, huyện căn cứ điều kiện thực tế, nghiên cứu lựa chọn một số hạng mục để tập trung ưu tiên triển khai, tạo chuyển biến đột phá trên phạm vi xã, huyện.

- Ưu tiên hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo việc làm, tăng thu nhập đối với các hộ nghèo, hộ chính sách để vươn lên thoát nghèo.

7. Tiếp tục đẩy mạnh phát triển giáo dục, y tế và xây dựng đời sống văn hóa nông thôn mới, giữ vững an ninh, trật tự nông thôn

- Giữ gìn và phát huy nét truyền thống văn hóa tốt đẹp của từng vùng, từng dân tộc, từng thôn; nâng cao hiệu quả sử dụng các thiết chế văn hóa cơ sở, đáp ứng nhu cầu hoạt động văn hóa của người dân nông thôn.

- Tiếp tục cải thiện chất lượng giáo dục, chăm sóc sức khỏe ban đầu và khám chữa bệnh; thực hiện tốt chính sách bảo hiểm y tế cho người dân nông thôn nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc.

- Tập trung xử lý các điểm nóng về trật tự xã hội nông thôn; đẩy mạnh đấu tranh, ngăn chặn và đẩy lùi các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội, chú trọng xây dựng và nhân rộng mô hình tự quản về an ninh trật tự ở khu dân cư.

9. Huy động mọi nguồn lực xã hội và cân đối đủ nguồn lực, đảm bảo thực hiện mục tiêu nhiệm vụ đề ra.

- Cân đối và bố trí ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình đảm bảo tỷ lệ đối ứng theo Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg ngày 22/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020.

- Tăng cường huy động, lồng ghép các nguồn vốn theo nguyên tắc: Ưu tiên huy động, khai thác tối đa nguồn lực trực tiếp tại địa phương; các nguồn vốn huy động hỗ trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và đóng góp của nhân dân phải trên cơ sở tự nguyện, không được ép buộc và huy động quá sức của người dân. Lựa chọn các công trình, nhiệm vụ thực hiện lồng ghép phải đảm bảo hiệu quả theo yêu cầu, quy định của Chương trình, dự án chính, kết hợp thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, tiêu chí của từng Chương trình. Lồng ghép các nguồn vốn đầu tư phải được thực hiện từ khâu đề xuất, lập kế hoạch từ cấp cơ sở (xã, huyện, thành phố) trước khi gửi cơ quan cấp tỉnh, tránh sự trùng lặp, chồng chéo.

- Về nợ đọng xây dựng nông thôn mới: Xử lý theo nguyên tắc nợ của cấp nào thì cấp đó có trách nhiệm trả; UBND các huyện, thành phố rà soát, thống kê, phân loại, xác định nguyên nhân của từng khoản nợ đọng và có kế hoạch, phương án cụ thể xử lý bằng các nguồn vốn hợp pháp đảm bảo số nợ đọng giảm dần qua các năm và thời hạn xử lý dứt điểm đến năm 2019 theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 8932/BKHĐT-KTNN ngày 01/11/2017; tăng cường kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các dự án đầu tư theo đúng quy định của pháp luật trong quản lý đầu tư và xây dựng, không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

10. Triển khai thực hiện “Khu dân cư nông thôn kiểu mẫu”

Thực hiện xây dựng 3 khu dân cư nông thôn kiểu mẫu ở các xã: Nghĩa Lâm, Bình Dương và Hành Minh nhằm nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt, tạo cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp và cải thiện đời sống dân cư, tiến tới xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu.

11. Cùng cố, nâng cao chất lượng công tác báo cáo, giám sát, đánh giá đối với chương trình xây dựng nông thôn mới

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong xây dựng nông thôn mới, tiếp tục phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và giám sát cộng đồng đối với xây dựng nông thôn mới. Thực hiện nghiêm túc công tác báo cáo, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020 theo quy định tại Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư 05/2017/TT-BNNPTMNT ngày 01/3/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT và các báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Trung ương, UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh.

III. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2018

1. Dự kiến nguồn lực thực hiện Chương trình năm 2018:

a) Nguồn vốn Trung ương: 203 tỷ đồng, bao gồm:

- Đầu tư phát triển: 144,2 tỷ đồng
- Sự nghiệp: 58,8 tỷ đồng

b) Nguồn vốn tỉnh: 288,2 tỷ đồng, bao gồm:

- Đầu tư phát triển: 200 tỷ đồng
- Sự nghiệp: 88,2 tỷ đồng

c) Ngân sách huyện, Tp, xã: Khoảng 130 tỷ đồng

2. Kế hoạch phân bổ:

a) Nguồn đầu tư phát triển: 474,2 tỷ đồng

* Ngân sách Trung ương: 144,2 tỷ đồng, trong đó:

- Bố trí dự án chuyển tiếp từ năm 2017 chuyển sang: 67,853 tỷ đồng
- Khởi công mới năm 2018: 76,347 tỷ đồng (bố trí cho tất cả các xã có nhu cầu về vốn khởi công mới năm 2018, trong đó ưu tiên cân đối mức vốn cao hơn cho các công trình thuộc 14 xã dưới 5 tiêu chí, 18 xã về đích năm 2018, các xã thuộc huyện nghèo, xã bãi ngang ven biển so với các xã còn lại).

* Ngân sách tỉnh: 200 tỷ đồng, trong đó:

- Hỗ trợ xi măng năm 2018: 35 tỷ đồng
- Bố trí vốn dự án chuyển tiếp của kế hoạch năm 2017 còn thiếu: 45 tỷ đồng.
- Khởi công mới năm 2018: 120 tỷ đồng

* Ngân sách huyện, TP, xã: Khoảng 130 tỷ đồng (Bố trí vốn đối ứng cho các xã)

b) Nguồn vốn sự nghiệp: 147 tỷ đồng

* Ngân sách Trung ương: 58,8 tỷ đồng

Phân bổ cho các nội dung theo hướng dẫn của Trung ương

* Ngân sách tỉnh: 88,2 tỷ đồng, trong đó:

- Hỗ trợ phát triển sản xuất, dịch vụ: 19,8 tỷ đồng
- Trả nợ kinh phí quy hoạch chi tiết từ năm 2016 trở về trước: 10,887 tỷ đồng
- Duy tu, bảo dưỡng công trình: 12,513 tỷ đồng
- Thưởng nông thôn mới 2016 – 2018 và xã Tịnh Châu đạt chuẩn NTM giai đoạn 2011 – 2015: 45 tỷ đồng

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Đề đẩy mạnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, kính đề nghị:

- Thủ tướng Chính phủ xem xét có cơ chế, chính sách riêng trong việc thực hiện Chương trình đối với các vùng khó khăn, miền núi, dân tộc ít người để có thể thúc đẩy việc triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình ở vùng này;

- Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch Đầu tư xem xét trình Thủ tướng cho phép tỉnh Quảng Ngãi được tiếp tục khoản vay tín dụng phát triển hàng năm (khoảng 100 tỷ đồng) để phát triển giao thông nông thôn, kiên cố hóa kênh mương thủy lợi như giai đoạn 2012 – 2015.

- Bộ Nội vụ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có văn bản hướng dẫn cụ thể về biên chế và phụ cấp cho đội ngũ cán bộ chuyên trách, kiêm nhiệm công tác xây dựng nông thôn mới các cấp để địa phương tham khảo vận dụng.

UBND tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- VPĐP TW Chương trình MTQGXDNNTM;
- TT Tỉnh ủy, TT UBND tỉnh;
- Các CT, PCT tỉnh;
- UBND các huyện, TP;
- Các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Tài Chính;
- CPUB: CVP, PCVP(NL), TH, CB-TH;
- VPĐP NTM tỉnh;
- Lưu: VT, NN-TN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Ngọc Căng

**CÁC CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH DO ĐỊA PHƯƠNG BAN HÀNH ĐỂ THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2016 – 2020**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Loại văn bản	Số, ngày, tháng ban hành	Trích yếu	Mục tiêu	Nội dung chủ yếu của cơ chế chính sách	Ghi chú
1	Quyết định	321/QĐ-UBND ngày 03/5/2017	Về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016 – 2020.	Xây dựng nông thôn mới để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân; có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phù hợp; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn phát triển nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị; xã hội nông thôn dân chủ, bình đẳng, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; an ninh trật tự được giữ vững.	<ul style="list-style-type: none"> - Đến năm 2020: Số xã đạt chuẩn nông thôn mới: 98 xã; Bình quân số tiêu chí/xã: 16,5 tiêu chí; 5 huyện đạt chuẩn nông thôn mới: Sơn Tịnh, Nghĩa Hành, Tư Nghĩa, Mộ Đức, Lý Sơn và thành phố Quảng Ngãi hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; Không còn xã dưới 5 tiêu chí. - Tổng nguồn vốn huy động giai đoạn 2016 – 2020: 12.700.200 triệu đồng. Trong đó: Ngân sách Trung ương: 996.200 triệu đồng; Ngân sách tỉnh: 1.494.500 triệu đồng; Ngân sách huyện, TP: 500.000 triệu đồng; Ngân sách xã: 150.000 triệu đồng; Vốn lồng ghép: 859.500 triệu đồng (6%); Vốn tín dụng: 5.500.000 triệu đồng (45%); Vốn tổ chức, doanh nghiệp: 1.950.000 triệu đồng (15%); Huy động đóng góp từ cộng đồng dân cư: 1.250.000 triệu đồng (10%). 	
2	Quyết định	31/2017/QĐ-UBND ngày 11/5/2017	Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện một số nội dung xây dựng nông thôn mới trên địa bàn cấp xã và khen thưởng công trình phúc lợi cho huyện, xã đạt chuẩn nông thôn mới, thành phố hoàn	<ul style="list-style-type: none"> - Huy động các nguồn lực tổ chức thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới tình giai đoạn 2016 – 2020, trong đó ưu tiên tập trung nguồn lực cho 98 xã và 05 huyện, thành phố đạt chuẩn nông thôn mới. - Khen thưởng các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016-2020. 	<ul style="list-style-type: none"> - Quy định các nội dung hỗ trợ: Quy hoạch; tuyên truyền, đào tạo, tập huấn; Trường học; trạm y tế, nhà văn hóa; nghĩa trang; cảnh quan môi trường nông thôn; điện; chợ nông thôn; công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn; Công trình thoát nước thải, xử lý nước thải khu dân cư; hạ tầng các khu sản xuất tập trung tiêu thụ công nghiệp, thủy sản; Đào tạo nghề cho lao động nông thôn; giao thông; thủy lợi; Phát triển sản xuất và dịch vụ; Hỗ trợ phát triển hợp tác xã 	

TT	Loại văn bản	Số, ngày, tháng ban hành	Trích yếu	Mục tiêu	Nội dung chủ yếu của cơ chế chính sách	Ghi chú
			thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 – 2020.		- Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng 05 tỷ đồng để xây dựng nông thôn mới cho các huyện, thành phố được Thủ tướng Chính phủ quyết định công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và thưởng 01 tỷ đồng để xây dựng công trình phúc lợi cho các xã đạt chuẩn nông thôn mới.	
3	Quyết định	33/2017/QĐ-UBND ngày 12/5/2017	về việc sửa đổi một số nội dung Điều 1 Quyết định số 46/2016/QĐ-UBND ngày 09/9/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án Kiên cố hóa kênh mương thủy lợi gắn với Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới Quảng Ngãi, giai đoạn 2016 – 2020.	- Kiên cố hóa các tuyến kênh loại III thuộc 66 xã xây dựng nông thôn mới nhằm sử dụng có hiệu quả và tiết kiệm, điện năng và mở rộng thêm diện tích được tưới chủ động, nâng cao hệ số lợi dụng kênh mương; góp phần thực hiện thắng lợi Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016 – 2020.	- Kiên cố hóa các tuyến kênh loại III thuộc 66 xã phân đầu đạt tiêu chí thủy lợi xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn 2016-2020, trong đó có ưu tiên kiên cố hóa các tuyến kênh bị hư hỏng, xuống cấp qua nhiều năm chưa được sửa chữa, khác phục. - Tổng chiều dài kiên cố hóa là: 493,448 km - Diện tích tưới trước/sau khi kiên cố hóa: 11.902 ha/15.542 ha. - Cơ chế huy động vốn: + Các huyện đồng bằng và thành phố Quảng Ngãi: NS Trung ương, NS tỉnh, vốn lồng ghép từ các chương trình (dự án) và các vốn hợp pháp khác: 80%; NS huyện/thành phố, xã và nguồn vận động nhân dân: 20%. + Các huyện miền núi: NS Trung ương, NS tỉnh, vốn lồng ghép từ các chương trình (dự án) và các vốn hợp pháp khác: 90%; NS huyện, xã và nguồn vận động nhân dân: 10%.	
4	Quyết định	44/2017/QĐ-UBND ngày	Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Đề án Phát triển giao thông nông thôn, thực hiện	Đến cuối năm 2016, đã có 26 xã đạt tiêu chí giao thông trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020. Giai đoạn 2017 - 2020 có thêm 72 xã	- Giai đoạn 2017 - 2020 cần phải đầu tư hoàn thiện ít nhất 1.945 Km đường giao thông nông thôn(khu vực đồng bằng 1.770Km; khu vực miền núi, hải đảo 175Km. - Cơ chế phân bổ vốn đầu tư: Được xác định theo tỷ lệ	

TT	Loại văn bản	Số, ngày, tháng ban hành	Trích yếu	Mục tiêu	Nội dung chủ yếu của cơ chế chính sách	Ghi chú
5	Nghị quyết	59/NQ-HĐND ngày 9/12/2017	<p>Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016 – 2020 ban hành kèm theo Quyết định số 47/2016/QĐ-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.</p>	<p>đạt tiêu chí giao thông trong Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới, trong đó: Năm 2017 thêm 18 xã, năm 2018 thêm 19 xã, năm 2019 thêm 18 xã và năm 2020 thêm 17 xã (nâng tổng số xã đạt tiêu chí giao thông vào năm 2020 là 98 xã).</p>	<p>% giữa vốn cấp tỉnh quản lý và vốn cấp huyện quản lý. Riêng đối với loại đường ngõ, xóm và đường trục chính nội đồng, UBND tỉnh chi hỗ trợ 100% xi măng (tương ứng khoảng 30% tổng mức đầu tư); phần còn lại: UBND các huyện, thành phố, UBND các xã hỗ trợ và huy động đóng góp khác (các tổ chức, cá nhân, nhân dân chung tay góp sức) để thực hiện, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện: Khu vực đồng bằng (Vốn cấp tỉnh quản lý: 70%, vốn cấp huyện quản lý: 30%), Khu vực miền núi, hải đảo (Vốn cấp tỉnh quản lý: 90%, vốn cấp huyện quản lý: 10%). + Đường trục thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp: Khu vực đồng bằng (Vốn cấp tỉnh quản lý: 50%, vốn cấp huyện quản lý: 50%), Khu vực miền núi, hải đảo (Vốn cấp tỉnh quản lý: 80%, vốn cấp huyện quản lý: 20%). + Đường ngõ xóm, đường trục chính nội đồng: Khu vực đồng bằng (Vốn cấp tỉnh quản lý: 30%, vốn cấp huyện quản lý: 70%), Khu vực miền núi, hải đảo (Vốn cấp tỉnh quản lý: 30%, vốn cấp huyện quản lý: 70%). <p>Quy định định mức kinh phí hỗ trợ việc tổ chức, thực hiện mức kinh phí hỗ trợ việc tổ chức, thực hiện lập kế hoạch đầu tư cấp xã thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ kế hoạch thôn (hoặc đơn vị tương đương): 1.000.000 đồng/TT tổ kế hoạch thôn (hoặc đơn vị tương đương)/năm. - Ban quản lý cấp xã thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia: 2.000.000 đồng/Ban quản lý cấp xã/năm. 	

TT	Loại văn bản	Số, ngày, tháng ban hành	Trích yếu	Mục tiêu	Nội dung chủ yếu của cơ chế chính sách	Ghi chú
6	Nghị quyết	52/2017/NQ-HĐND ngày 09/12/2017	Quy định nội dung, định mức hỗ trợ chi phí chuẩn bị và quản lý thực hiện đối với một số dự án thuộc các chương trình MTQG áp dụng cơ chế đặt thù theo quy định tại Nghị định số 161/2016/NĐ-CP của Chính phủ	Tạo cơ sở pháp lý để hỗ trợ chi phí chuẩn bị đầu tư và quản lý thực hiện đối với một số dự án thuộc các Chương trình MTQG áp dụng cơ chế đặt thù theo quy định tại Nghị định số 161/2016/NĐ-CP của Chính phủ	<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí quản lý dự án: Định mức hỗ trợ tính theo hướng dẫn tại Mục I Phần I Định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng kèm theo Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và điều chỉnh với hệ số K = 0,5. - Chi phí khảo sát: Định mức hỗ trợ bằng 70% chi phí khảo sát (nếu có) của dự toán chi phí khảo sát xây dựng được lập, thẩm định và phê duyệt theo quy định hiện hành. - Chi phí lập hồ sơ xây dựng công trình: Định mức hỗ trợ tính theo hướng dẫn tại Khoản 3 Mục II Phần II Định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng kèm theo Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và điều chỉnh với hệ số K như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Đối với dự án sử dụng thiết kế mẫu, thiết kế điển hình do cơ quan có thẩm quyền ban hành thì điều chỉnh với hệ số K = 0,28 (đã kê 10% chi phí giám sát tác giá); + Đối với dự án không sử dụng thiết kế mẫu, thiết kế điển hình do cơ quan có thẩm quyền ban hành, thì điều chỉnh với hệ số K = 0,5. - Chi phí giám sát thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị: Định mức hỗ trợ tính theo hướng dẫn tại Mục IX Phần II Định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng kèm theo Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và điều chỉnh với hệ số K = 0,5. - Chi phí cho công tác thẩm định hồ sơ xây dựng công trình: Định mức hỗ trợ bằng 0,019% tổng mức đầu tư dự án, áp dụng đối với tất cả các loại công trình. 	

TT	Loại văn bản	Số, ngày, tháng ban hành	Trích yếu	Mục tiêu	Nội dung chủ yếu của cơ chế chính sách	Ghi chú
					<p>6. Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành: Định mức hỗ trợ bằng 0,475% tổng mức đầu tư dự án.</p>	

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2017**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

DVT: Triệu đồng

STT	Nội dung chi tiêu	Kế hoạch năm 2017	Kết quả huy động năm 2017	Kế hoạch năm 2018
	TỔNG SỐ	2.218.135	3.093.380	2.312.984
I	NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	178.200	186.080	203.000
1	Trái phiếu Chính phủ			
2	Đầu tư phát triển	138.000	144.280	144.200
3	Sự nghiệp	40.200	41.800	58.800
II	NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	355.663	354.541	459.223
1	Tỉnh	203.899	166.121	288.200
2	Huyện, xã	151.764	188.420	171.023
III	VỐN LÔNG GHEP	500.223	795.563	470.131
IV	VỐN TÍN DỤNG	1.100.000	1.476.090	1.034.580
V	VỐN DOANH NGHIỆP	34.049	100.095	62.800
VI	CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ	50.000	181.011	83.250

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH
TRUNG ƯƠNG NĂM 2017**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: triệu đồng

TT	CÔNG TRÌNH	Kế hoạch năm 2017	Kết quả thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	138.000	144.280	144.200	
1	Giao thông	75.159	77.139	56.000	
2	Thủy lợi	30.267	32.867	34.000	
3	Điện	253	253	5.200	
4	Trường học	10.732	10.732	19.500	
5	CSVC Văn hóa	20.314	21.814	29.500	
6	Cơ sở hạ tầng thương mại	175	175		
7	Trạm y tế xã				
8	Công trình cung cấp nước sạch				
9	Công trình xử lý môi trường				
10	Khác	1.100	1.300		

Kết quả huy động và thực hiện năm 2017

Kế hoạch năm 2018

TT	Nội dung đầu tư	Vốn đầu tư trực tiếp						Vốn đầu tư trực tiếp						Lĩnh vực giúp	Tín dụng	Doanh nghiệp	Dân góp							
		Tổng số	Tổng số	Ngân sách Trung ương		Ngân sách địa phương		Tổng số	Tổng số	Ngân sách Trung ương		Ngân sách địa phương												
				TPCP	BTPP	SN	NS tỉnh			NS huyện, xã	TPCP	BTPP	SN					NS tỉnh	NS huyện, xã					
8	Đổi mới tổ chức sản xuất trong nông nghiệp	319.023	639			559	100	19.423	298.941				24.160	500			500	13.580	80	10.000				
9	Hỗ trợ phát triển HTX	15.983						9.768	5.927				14.635	2.175			1.000	1.175	7.310	5.000	150			
10	Phát triển ngành nghề nông thôn	2.804							2.804				3.000							3.000				
11	Đào tạo nghề phi nông nghiệp	1.500	1.500										2.500	1.500			1.500		1.000					
12	Đào tạo nghề nông nghiệp	5.141	1.500			1.500		641		3.000			2.300	1.500			1.500	800						
13	Phát triển giáo dục ở nông thôn	2.000	2.000			2.000							17.000	2.000			2.000	15.000						
14	Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn	1.000								1.000				1.600			1.600							
15	Vệ sinh môi trường nông thôn	5.934	1.016			1.016			2.918	2.000			29.401	1.125			600	525	26.776	1.500				
16	Kiểm phục, xử lý ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các làng nghề												40.100	100				100	40.000					
17	Đào tạo cho công chức xã												5.960	960			960		5.000					
18	Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn	1.602						1.602					23.000						23.000					
19	Duy tu, bảo dưỡng các công trình sau đầu tư trên địa bàn xã	36.667	8.280			8.280		15.387		13.000			41.825	21.225			8.472	12.513	240	20.600				
20	Nội dung khác (nếu có)	218.415	26.582			1.300	120	32.028	52.300				113.900	58.900			1.500	45.000	12.400	45.000	10.000			
	Tổng cộng	3.093.380	540.621			144.290	41.800	166.121	188.420	25.162	795.563	1.476.090	100.095	181.011	2.312.984	662.223	144.200	58.800	288.200	171.023	470.131	1.034.580	62.800	83.250

KẾT QUẢ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2017

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

DVT: Triệu đồng

TT	Huyện, xã	Vốn ngân sách tỉnh (QB 138/QĐ-UBND)						Vốn ngân sách Trung ương			
		Kế hoạch năm 2017		Thực hiện năm 2017		Thực hiện đến 31/12/2017		Kế hoạch năm 2017		Thực hiện năm 2017	
		Tỷ lệ giải ngân (%)	Giá trị giải ngân	Tỷ lệ giải ngân (%)	Giá trị giải ngân	Tỷ lệ giải ngân (%)	Giá trị giải ngân	Tỷ lệ giải ngân (%)	Giá trị giải ngân		
I	Bình Sơn	95.000	91.552,7	96,4	138.000	124.230,3	90,0	6.280	4.420,0	70,4	
	Tổng	14.313	12.839,7	89,7	21.360	19.730,4	92,4	1.150	0,0	0,0	
1	Bình Hải			600	600	600,0	100,0				
2	Bình Châu			600	600	600,0	100,0				
3	Bình Trị			1.200	1.200	1.200,0	100,0				
4	Bình Thành			800	800	786,5	98,3				
5	Bình Đông			760	760	704,3	92,7				
6	Bình Chánh			600	600	600,0	100,0				
7	Bình Trung	492	0,0	0,0	148		0,0				
8	Bình Chương			714	714	714,0	100,0				
9	Bình Thạnh Đông			400	400	400,0	100,0				
10	Bình Thạnh Tây			720	720	667,9	92,8				
11	Bình An			400	400	400,0	100,0				
12	Bình Hiệp			360	360	360,0	100,0				
13	Bình Hòa			400	400	400,0	100,0				
14	Bình Khuong			800	800	798,1	99,8				
15	Bình Long			1.020	833,5	81,7					
16	Bình Minh	6.740	6.202,4	92,0	3.670	3.287,0	89,6	650	0,0	0,0	
17	Bình Mỹ			1.000	1.000	1.000,0	100,0				
18	Bình Nguyễn	6.982	6.637,2	95,1	3.604	2.815,0	78,1	500		0,0	
19	Bình Phú			1.010	1.010	1.010,0	100,0				
20	Bình Phước			854	854	854,0	100,0				
21	Bình Tân			600	600	600,0	100,0				
22	Bình Thuận			350	350	350,0	100,0				
23	Bình Thới	50	0,0	0,0	400	400,0	100,0				
24	Bình Dương	49	0,0	0,0	350	350,0	100,0				
II	Huyện Sơn Tịnh	6.322	6.472,0	102,4	11.621	11.583,2	99,7	200	0,0	0,0	
1	Tỉnh Giang	277	427,0	154,2	846	808,2	95,5				
2	Tỉnh Bắc	6.045	6.045,0	100,0	2.962	2.962,0	100,0	200	0,0	0,0	
3	Tỉnh Minh			1.653	1.653	1.653,0	100,0				
4	Tỉnh Trà			1.030	1.030	1.030,0	100,0				

5	Tỉnh Sơn				1.060	1.060,0	100,0			
6	Tỉnh Hà				800	800,0	100,0			
7	Tỉnh Đông				840	840,0	100,0			
8	Tỉnh Phong				600	600,0	100,0			
9	Tỉnh Hiệp				630	630,0	100,0			
10	Tỉnh Bình				600	600,0	100,0			
11	Tỉnh Thọ				600	600,0	100,0			
III	Huyện Tư Nghĩa	20.051	19.924,0	99,4	16.606	16.591,0	99,9	1.250	1.250,0	100,0
1	Xã Nghĩa Lâm	50	50,0	100,0	552	552,0	100,0			
2	Xã Nghĩa Hòa									
3	Xã Nghĩa	200	200,0	100,0	1.395	1.395,0	100,0			
4	Xã Nghĩa	630	515,0	81,7						
5	Xã Nghĩa Kỳ	6.779	6.773,0	99,9	3.284	3.284,0	100,0	450	450,0	100,0
6	Xã Nghĩa Sơn	250	244,0	97,6	1.058	1.043,0	98,6			
7	Xã Nghĩa Thuận	6.786	6.786,0	100,0	2.786	2.786,0	100,0	600	600,0	100,0
8	Xã Nghĩa Điền	5.356	5.356,0	100,0	2.611	2.611,0	100,0	200	200,0	100,0
9	Xã Nghĩa Hiệp				1.074	1.074,0	100,0			
10	Xã Nghĩa Trung				1.191	1.191,0	100,0			
11	Xã Nghĩa Mỹ				1.071	1.071,0	100,0			
12	Xã Nghĩa Thắng				784	784,0	100,0			
13	Xã Nghĩa Thọ				800	800,0	100,0			
IV	Huyện Ng Hành	11.027	10.842,0	98,3	6.522	6.484,0	99,4	2.690	2.180,0	81,0
1	Xã Hành Minh									
2	Xã Hành Thịnh	60	60,0	100,0						
3	Xã Hành Thuận	100	100,0	100,0	386	386,0	100,0			
4	Xã Hành Phước									
5	Xã Hành Đức									
6	Xã Hành Trung	50	0,0	0,0						
7	Xã Hành Dũng	3.859	3.735,0	96,8	3.016	2.978,0	98,7	1.090	580,0	53,2
8	Xã Hành Nhân	265	265,0	100,0						
9	Xã Hành Thiện									
10	Xã Hành Tín									
11	Xã Hành Tín Tây	6.693	6.682,0	99,8	3.120	3.120,0	100,0	1.600	1.600,0	100,0
V	Huyện Mộ Đức	12.145	11.908,0	98,0	11.344	10.466,2	92,3	790	790,0	100,0
1	Đức Tân	50	50,0	100,0						
2	Đức Nhuận									
3	Đức Thanh	6.649	6.412,0	96,4	2.702	2.214,0	81,9			
4	Đức Hòa	5.446	5.446,0	100,0	2.200	2.044,2	92,9	790	790,0	100,0
5	Đức Hiệp				1.048	849,0	81,0			
6	Đức Phú				1.160	1.160,0	100,0			
7	Đức Chánh				800	800,0	100,0			
8	Đức Thắng				560	560,0	100,0			
9	Đức Lợi				820	820,0	100,0			
10	Đức Minh				800	800,0	100,0			
11	Đức Lân				600	565,0	94,2			
12	Đức Phong				654	654,0	100,0			
VI	Huyện Đức Phổ	13.496	13.496,0	100,0	15.334	14.866,9	97,0	200	200,0	100,0

1	Phố Châu								800	800,0	100,0		
2	Phố Thành								850	850,0	100,0		
3	Phố Khánh								674	674,0	100,0		
4	Phố Cường								694	676,0	97,4		
5	Phố Hoà								812	812,0	100,0		
6	Phố Vinh								80	80,0	100,0		
7	Phố Minh								600	600,0	100,0		
8	Phố Nhơn								600	600,0	100,0		
9	Phố Ninh								7.272	7.272,0	100,0		
10	Phố Văn								6.224	6.224,0	100,0		
11	Phố Thuận								1.179	1.179,0	100,0		
12	Phố Phong								755	360,5	47,8		
13	Phố An								2.600	2.583,4	99,4		
14	Phố Quang								1.100	1.100,0	100,0		
VII	TP Quảng Ngãi								17.646	16.071,0	91,1		
1	Tỉnh Châu								980	980,0	100,0		
2	Tỉnh Khê								459	459,0	100,0		
3	Nghĩa Phú								4.000	3.993,0	99,8		
4	Tỉnh An Tây								3.660	3.572,0	97,6		
5	Tỉnh An								3.347	3.093,0	92,4		
6	Tỉnh Long								5.200	3.974,0	76,4		
7	Tỉnh Kỳ								1.100	1.100	0,0		
8	Nghĩa An								1.125	682,0	60,6		
9	Nghĩa Hà								582	544,0	93,5		
10	Tỉnh An Đông								616	616,0	100,0		
11	Tỉnh Hòa								800	468,0	58,5		
12	Tỉnh Thiện								755	743,0	98,4		
VIII	Huyện Ba To								13.415	11.238,8	83,8		
1	Xã Ba Chùa								630	629,1	99,9		
2	Xã Ba Bích								800	539,2	67,4		
3	Xã Ba Cung								720	720,0	100,0		
4	Xã Ba Điện								580	580,0	100,0		
5	Xã Ba Dinh								580	308,7	53,2		
6	Xã Ba Đông								675	482,5	71,5		
7	Xã Ba Giang								790	428,8	54,3		
8	Xã Ba Khâm								790	746,6	94,5		
9	Xã Ba Lê								790	714,6	90,5		
10	Xã Ba Liên								590	550,4	93,3		
11	Xã Ba Nam								790	530,1	67,1		
12	Xã Ba Ngạc								580	580,0	100,0		
13	Xã Ba Thành								580	580,0	100,0		
14	Xã Ba Tiêu								790	780,5	98,8		
15	Xã Ba Tô								580	580,0	100,0		
16	Xã Ba Trang								790	790,0	100,0		
17	Xã Ba Vi								790	563,2	71,3		
18	Xã Ba Vinh								790	699,8	88,6		
19	Xã Ba Xa								780	435,2	55,8		

IX	Huyện Minh Long		3.531	3.519,0	99,7		
1	Xã Long Sơn		1.197	1.185,0	99,0		
2	Xã Long Hiệp		147	147,0	100,0		
3	Xã Long Mai		662	662,0	100,0		
4	Xã Long Môn		925	925,0	100,0		
5	Xã Thanh An		600	600,0	100,0		
X	Huyện Sơn Hà		7.520	7.482,0	99,5		
1	Xã Sơn Hạ		600	600,0	100,0		
2	Xã Sơn Thành		800	800,0	100,0		
3	Xã Sơn Nham		450	445,0	98,9		
4	Xã Sơn Cao		600	600,0	100,0		
5	Xã Sơn Linh		600	596,0	99,3		
6	Xã Sơn Giang		585	580,0	99,1		
7	Xã Sơn Hải		600	600,0	100,0		
8	Xã Sơn Thủy		600	596,0	99,3		
9	Xã Sơn Kỳ		405	405,0	100,0		
10	Xã Sơn Ba		450	449,0	99,8		
11	Xã Sơn Thượng		600	590,0	98,3		
12	Xã Sơn Bao		630	630,0	100,0		
13	Xã Sơn Trung		600	591,0	98,5		
XI	Huyện Sơn Tây		7.014	6.631,9	94,6		
1	Xã Sơn Dung		1.039	1.008,4	97,1		
2	Xã Sơn Màu		720	720,0	100,0		
3	Xã Sơn Lập		810	810,0	100,0		
4	Xã Sơn Liên		720	410,8	57,1		
5	Xã Sơn Tinh		630	630,0	100,0		
6	Xã Sơn Long		800	800,0	100,0		
7	Xã Sơn Mùa		810	810,0	100,0		
8	Xã Sơn Bua		765	757,7	99,0		
9	Xã Sơn Tân		720	685,0	95,1		
XII	Huyện Trà Bồng		6.088	2.654,8	43,6		
1	Xã Trà Bình		1.100	321,9	29,3		
2	Xã Trà Phú		800		0,0		
3	Xã Trà Sơn		480		0,0		
4	Xã Trà Thủy		720		0,0		
5	Xã Trà Giang		600	524,3	87,4		
6	Xã Trà Lâm		720	475,8	66,1		
7	Xã Trà Hiệp		468	174,5	37,3		
8	Xã Trà Tân		600	572,4	95,4		
9	Xã Trà Bù		600	586,0	97,7		
XIII	Huyện Tây Trà		7.230	4.883,0	67,5		
1	Xã Trà Khê		800	598,0	74,8		
2	Xã Trà Phong		800	660,0	82,5		
3	Xã Trà Thanh		810	306,0	37,8		
4	Xã Trà Xinh		810	382,0	47,2		
5	Xã Trà Trung		800	800,0	100,0		
6	Xã Trà Nham		810	334,0	41,2		

7	Xã Trà Lành	800	708,0	88,5				
8	Xã Trà Thò	800	434,0	54,3				
9	Xã Trà Quán	800	661,0	82,6				
XIV	Huyện Lý Sơn	2.454	2.446,2	99,7				
1	Xã An Hải	954	954,0	100,0				
2	Xã An Vĩnh	900	900,0	100,0				
3	Xã An Bình	600	592,2	98,7				

Phụ biểu số 06

KẾT QUẢ THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI
 (Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2018
 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

T T	MỤC TIÊU	Kết quả năm 2016	Kết quả đến 31/12/2017	Kế hoạch năm 2018	Ghi chú
1	Mức đạt tiêu chí bình quân/xã	10,88	12,08	13,5	
2	Mức đạt tiêu chí bình quân/xã nghèo, đặc biệt khó khăn	7,35	7,46	8	
3	Kết quả đạt chuẩn tiêu chí theo xã				
	Số xã đạt chuẩn (19 tiêu chí) đã có QĐ công nhận	24	41	60	
	Số xã đạt 18 tiêu chí	1			
	Số xã đạt 17 tiêu chí	4	1	1	
	Số xã đạt 16 tiêu chí	4	3	3	
	Số xã đạt 15 tiêu chí	8	10	10	
	Số xã đạt 14 tiêu chí	13	19	13	
	Số xã đạt 13 tiêu chí	8	4	8	
	Số xã đạt 12 tiêu chí	11	8	6	
	Số xã đạt 11 tiêu chí	7	15	10	
	Số xã đạt 10 tiêu chí	19	10	12	
	Số xã đạt 09 tiêu chí	13	8	8	
	Số xã đạt 08 tiêu chí	8	6	10	
	Số xã đạt 07 tiêu chí	3	5	3	
	Số xã đạt 06 tiêu chí	7	9	7	
	Số xã đạt 05 tiêu chí	7	7	6	
	Số xã đạt 04 tiêu chí	16	10	5	
	Số xã đạt 03 tiêu chí	8	8	2	

T	MỨC TIÊU	Kết quả năm 2016	Kết quả đến 31/12/2017	Kế hoạch năm 2018	Ghi chú
	Số xã đạt 02 tiêu chí	3	0		
	Số xã đạt 01 tiêu chí	0	0		
3	Kết quả đạt chuẩn theo từng tiêu chí				
	Số xã đạt tiêu chí số 1 về quy hoạch	155	160	160	
	Số xã đạt tiêu chí số 2 về giao thông	32	56	74	
	Số xã đạt tiêu chí số 3 về thủy lợi	61	89	111	
	Số xã đạt tiêu chí số 4 về điện	134	149	159	
	Số xã đạt tiêu chí số 5 về trường học	49	69	88	
	Số xã đạt tiêu chí số 6 về cơ sở vật chất văn hóa	37	60	85	
	Số xã đạt tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	109	122	140	
	Số xã đạt tiêu chí số 8 về thông tin và truyền thông	136	143	153	
	Số xã đạt tiêu chí số 9 về nhà ở dân cư	108	114	121	
	Số xã đạt tiêu chí số 10 về thu nhập	63	69	74	
	Số xã đạt tiêu chí số 11 về hộ nghèo	60	83	102	
	Số xã đạt tiêu chí số 12 về lao động có việc làm	124	136	146	
	Số xã đạt tiêu chí số 13 về tổ chức sản xuất	97	97	110	
	Số xã đạt tiêu chí số 14 về giáo dục và đào tạo	118	121	125	
	Số xã đạt tiêu chí số 15 về y tế	124	105	115	
	Số xã đạt tiêu chí số 16 về văn hóa	101	126	146	
	Số xã đạt tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm	59	65	69	
	Số xã đạt tiêu chí số 18 về hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	84	96	105	
	Số xã đạt tiêu chí số 19 về quốc phòng và an ninh	133	121	131	

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN TIÊU CHÍ CỦA CÁC XÃ ĐẾN 31/12/2017
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Tiêu chí		Số TC đạt cuối 2016	1. Quy hoạch																			Số TC đến 31/10/2017	Bình quân số TC/xã	Ghi chú (So với cuối 2016)
	Các xã			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19			
1	Huyện Bình Sơn	11,83	24	7	7	23	7	6	17	24	23	11	18	22	20	22	23	19	11	23		13,25	Tăng		
1	Bình Dương	19	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19			
2	Bình Thới	19	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19			
3	Bình Trung	19	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19			
4	Bình Minh	16	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19			
5	Bình Trị	15	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19			
6	Bình Nguyễn	14	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19			
7	Bình Phú	14	X			X			X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	14			
8	Bình Long	12	X			X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	14			
9	Bình Phước	12	X			X			X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	14			
10	Bình Th. Tây	12	X			X			X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	14			
11	Bình Thành	11	X		X	X			X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	14			
12	Bình Mỹ	11	X	X		X			X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	14			
13	Bình Hoà	11	X			X			X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	12			
14	Bình Khuong	10	X			X			X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	12			
15	Bình Đông	10	X			X			X	X	X				X	X	X	X	X	X	X	11			
16	Bình Hiệp	10	X			X			X	X	X				X	X	X	X	X	X	X	11			

VI	Huyện Đức Phổ	13,07	10	4	9	14	10	9	12	13	14	7	11	14	13	13	8	8	13	8	4	10	14,00	Tầng	
1	Phố Châu	10				X				X	X			X	X	X	X	X	X	X		X	10		
2	Phố Thành	12	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X			15	
3	Phố Khánh	12	X		X	X			X	X	X			X	X	X	X	X	X	X		X	11		
4	Phố Cường	12			X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	13		
5	Phố Hoà	19	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	
6	Phố Vinh	19	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	
7	Phố Minh	10	X			X			X		X		X	X	X	X			X			X	10		
8	Phố Nhơn	10			X	X	X		X	X	X		X	X	X	X			X			X	11		
9	Phố Ninh	17	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X				17	
10	Phố Văn	14	X			X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X				14	
11	Phố Thuận	14	X			X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	15	
12	Phố Phong	10			X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X				12	
13	Phố An	13	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	
14	Phố Quang	11	X			X			X		X			X	X	X			X			X	11		
VII	TP Quảng Ngãi	13,58	12	7	9	12	8	7	9	12	12	9	12	12	11	11	8	7	10	8	11	12	15,92	Tầng	
1	Tỉnh Châu	19	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	
2	Tỉnh Khê	19	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	
3	Nghĩa Phú	17	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	
4	Tỉnh An Tây	15	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	
5	Tỉnh An	15	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	
6	Tỉnh Long	15	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	
7	Tỉnh Kỳ	15	X	X	X	X	X			X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	16	
8	Nghĩa An	12	X		X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	14	
9	Nghĩa Hà	10	X			X	X			X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	13	
10	Tỉnh An Đông	9	X			X				X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	11	
11	Tỉnh Hòa	9	X		X	X			X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	13	
12	Tỉnh Thiện	8	X			X			X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	10	
VIII	Huyện Ba Tơ	5,53	19	4	6	12	3	3	18	13	4	0	1	17	0	3	1	1	10	1	4	5	6,53	Tầng	

Số: /KH-UBND

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2018

DỰ THẢO

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2018

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 30/3/2017 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016 – 2020, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2018 như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Xây dựng nông thôn mới để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân; có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phù hợp; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn phát triển nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị; xã hội nông thôn dân chủ, bình đẳng, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; quốc phòng và an ninh, trật tự được giữ vững.

2. Mục tiêu cụ thể:

- Huyện Tư Nghĩa đạt chuẩn nông thôn mới.
- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới: 19 xã (lũy kế là 60 xã), cụ thể:
 - + Huyện Bình Sơn: 03 xã (Bình Long, Bình Mỹ, Bình Phú);
 - + Huyện Sơn Tịnh: 02 xã (Tịnh Trà, Tịnh Sơn);
 - + Huyện Tư Nghĩa: 05 xã (Nghĩa Trung, Nghĩa Mỹ, Nghĩa Hiệp, Nghĩa Thắng, Nghĩa Thọ)
 - + Huyện Mộ Đức: 02 xã (Đức Hiệp, Đức Phú)
 - + Huyện Đức Phổ: 02 xã (Phổ Thuận, Phổ Ninh)
 - + TP. Quảng Ngãi: 02 xã (Tịnh Kỳ, Nghĩa An)
 - + Huyện Ba Tơ: 01 xã (Ba Động)
 - + Huyện Trà Bồng: 01 xã (Trà Bình)
 - + Huyện Lý Sơn: 01 xã (An Hải)

- Số tiêu chí bình quân/xã: 13,5
- Số xã đạt dưới 5 tiêu chí \leq 10 xã.

II. CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Công tác tuyên truyền, vận động

Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền vận động, tạo sự chuyển biến hơn nữa về nhận thức cho cán bộ các cấp và người dân về Chương trình xây dựng nông thôn mới.

Tiếp tục quán triệt, đẩy mạnh triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về nông thôn mới: Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 15/12/2016 của Ban Bí thư Trung ương về Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh”; Nghị quyết số 32/2016/QH14 ngày 23/11/2016 của Quốc hội về tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp; Chỉ thị số 36/CT-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện hiệu quả, bền vững Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2016 – 2020; Kết luận số 265-KL/TU ngày 07/4/2017 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 7 Khóa XIX về việc điều chỉnh chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới trong Kết luận số 30-KL/TU ngày 26/4/2016 về phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020.

2. Nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành

Phân giao cụ thể chỉ tiêu về xây dựng nông thôn mới cho các địa phương thực hiện. Chỉ tiêu được đưa vào Nghị quyết và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2018 của các địa phương để tập trung chỉ đạo thực hiện. Tổ chức ký cam kết và chịu trách nhiệm giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền của địa phương với cấp ủy, chính quyền cấp trên về công tác lãnh đạo, chỉ đạo và kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới ở địa bàn.

Tăng cường hơn nữa vai trò, trách nhiệm của các sở, ngành trong triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Phân công trách nhiệm cho các sở, ngành, đoàn thể chính trị xã hội giúp đỡ các xã phấn đấu thực hiện đạt chuẩn nông thôn mới. Các sở, ngành xây dựng kế hoạch chi tiết để tổ chức thực hiện hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2018, tăng cường công tác hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá tiến độ triển khai thực hiện Chương trình; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc tại cơ sở.

Các hội, đoàn thể phối hợp với Ban Chỉ đạo tỉnh thực hiện xây dựng và triển khai kịp thời, có hiệu quả kế hoạch các hoạt động tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

3. Tiếp tục kiện toàn Ban Chỉ đạo, bộ máy giúp việc các cấp và tăng cường đào tạo tập huấn đội ngũ cán bộ trực tiếp tham gia thực hiện Chương trình.

- UBND các cấp tiếp tục kiện toàn Ban Chỉ đạo: Thành lập 01 Ban Chỉ đạo chung cho 02 Chương trình: MTQG giảm nghèo bền vững và MTQG xây dựng nông thôn mới. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho mỗi thành viên Ban Chỉ đạo để nâng cao trách nhiệm trong việc chỉ đạo, hướng dẫn, theo dõi thực hiện các tiêu chí do ngành mình phụ trách.

- Tiếp tục củng cố, kiện toàn bộ máy tham mưu, giúp việc Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu các cấp theo hướng chuyên trách, chuyên nghiệp; Bổ sung cán bộ chuyên trách văn phòng cho đủ lượng theo quy định; Phân công cụ thể nhiệm vụ và gắn trách nhiệm đối với các thành viên kiêm nhiệm được bố trí từ các ngành; Phát huy vai trò của thành viên kiêm nhiệm trong việc xây dựng kế hoạch hàng năm, việc lồng ghép các nguồn lực với thực hiện các nội dung, tiêu chí của Chương trình nông thôn mới.

- Tiếp tục tăng cường đào tạo, tập huấn đội ngũ cán bộ trực tiếp tham gia thực hiện Chương trình để họ có đủ trình độ năng lực trong công tác tham mưu, đề xuất Ban Chỉ đạo các cấp về quản lý điều hành Chương trình, đủ năng lực giám sát, đánh giá và tổ chức thực hiện Chương trình.

4. Tập trung chỉ đạo để tạo sự chuyển biến và đạt được mục tiêu theo từng nhóm xã:

a) Đối với huyện, xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới trong năm 2018

Tập trung chỉ đạo 19 xã và huyện Tư Nghĩa kế hoạch đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018.

Đối với các xã miền núi, hải đảo, nhóm các tiêu chí về Kinh tế và Tổ chức sản xuất (tiêu chí số 10. Thu nhập, 11. Hộ nghèo, 13. Tổ chức sản xuất) hiện còn rất thấp chưa đạt so với quy định. Yêu cầu UBND các huyện: Ba Tơ, Trà Bồng, Lý Sơn phải có kế hoạch, giải pháp cụ thể và cam kết chỉ đạo, hỗ trợ tạo điều kiện để các xã đạt chuẩn năm 2018 hoàn thành các tiêu chí trên.

b) Đối với xã theo lộ trình đạt chuẩn nông thôn mới vào năm 2019 – 2020

Tập trung giữ vững các tiêu chí đã đạt, lồng ghép và cân đối nguồn lực để thực hiện nội dung các tiêu chí chưa đạt, trong đó chú trọng 02 tiêu chí khó là Thu nhập (Tiêu chí số 10), Hộ nghèo (Tiêu chí số 11). Rà soát, xây dựng lộ trình, có giải pháp tích cực để đến cuối năm hoàn thành thêm 2 - 3 tiêu chí.

c) Đối với các nhóm xã còn lại

Sử dụng, huy động, lồng ghép có hiệu quả các nguồn lực, tập trung chỉ đạo để tạo sự chuyển biến rõ nét trên các lĩnh vực, phấn đấu tăng 1,5 – 2 tiêu chí/năm để góp phần cùng tỉnh đạt chỉ tiêu số tiêu chí bình quân/xã: 16,5 vào năm 2020 làm tiền đề phấn đấu xã đạt chuẩn ở những năm tiếp theo.

Riêng đối với các xã dưới 5 tiêu chí, các huyện: Ba Tơ, Sơn Hà, Sơn Tây, Tây

Trà phải tập trung tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho cán bộ, đảng viên và mỗi người dân về xây dựng nông thôn mới để phấn đấu đến cuối năm 2018 giảm 50% và năm 2019 không còn xã dưới 5 tiêu chí.

d) Đối với các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới

Tổ chức rà soát, đánh giá lại theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020, có giải pháp cụ thể đối với từng tiêu chí nhằm giữ vững và nâng cao chất lượng tiêu chí; Chú trọng các giải pháp phát triển kinh tế, phát triển các mô hình sản xuất hiệu quả gắn với thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp để nâng cao thu nhập cho người dân;

Tập trung xây dựng các “Khu dân cư nông thôn kiểu mẫu” ở những xã được chọn làm thí điểm. Có kế hoạch duy tu, bảo dưỡng và phát huy hiệu quả các công trình cơ sở hạ tầng đã được xây dựng, tạo cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp tiến tới xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu.

5. Điều chỉnh, xây dựng mới cơ chế, chính sách có liên quan

- Tham mưu cho UBND tỉnh Ban hành Quy định cụ thể các mức chi, mức hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020 trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Tham mưu UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh: Nghị quyết Quy định chi thù lao cộng tác viên tại xã, phường, thị trấn tham gia hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản, cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em và các hoạt động y tế khác, số lượng cộng tác viên của từng xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020.

6. Phát triển sản xuất gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp, áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho cư dân nông thôn.

- Thực hiện có hiệu quả Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm”, xây dựng dự án liên kết sản xuất với doanh nghiệp theo chuỗi giá trị gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông sản. Tập trung đẩy nhanh thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với phát triển ngành nghề, mở rộng liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị; thu hút đầu tư vào phát triển sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ trên địa bàn.

- Nghiên cứu có giải pháp hỗ trợ các HTX nông nghiệp đã chuyển đổi và thành lập mới theo Luật HTX năm 2012 hoạt động có hiệu quả; các hợp tác xã nông nghiệp không, chưa chuyển đổi theo Luật HTX năm 2012 phải giải thể hoặc chuyển thể hoạt động dưới hình thức khác phù hợp với điều kiện từng nơi, từng vùng. Phát triển kinh tế tập thể đa dạng với nhiều loại hình, thu hút nhiều lao động tham gia làm ra nhiều sản phẩm hàng hóa đủ sức mạnh cạnh tranh, phù hợp với thị trường; chú trọng thực hiện hỗ trợ phát triển hợp tác xã theo quy định tại Quyết định 2261/QĐ-TTg ngày

15/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn 2015 – 2020.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất bao gồm cả nông nghiệp công nghệ cao. Chú trọng việc xây dựng các công trình hạ tầng cơ bản tại các xã, thôn gắn với phát triển sản xuất, đời sống hằng ngày của người dân. Mỗi xã, huyện căn cứ điều kiện thực tế, nghiên cứu lựa chọn một số hạng mục để tập trung ưu tiên triển khai, tạo chuyển biến đột phá trên phạm vi xã, huyện.

- Ưu tiên hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo việc làm, tăng thu nhập đối với các hộ nghèo, hộ chính sách để vươn lên thoát nghèo.

7. Tiếp tục đẩy mạnh phát triển giáo dục, y tế và xây dựng đời sống văn hóa nông thôn mới, giữ vững an ninh, trật tự nông thôn

- Giữ gìn và phát huy nét truyền thống văn hóa tốt đẹp của từng vùng, từng dân tộc, từng thôn; nâng cao hiệu quả sử dụng các thiết chế văn hóa cơ sở, đáp ứng nhu cầu hoạt động văn hóa của người dân nông thôn.

- Tiếp tục cải thiện chất lượng giáo dục, chăm sóc sức khỏe ban đầu và khám chữa bệnh; thực hiện tốt chính sách bảo hiểm y tế cho người dân nông thôn nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc.

- Tập trung xử lý các điểm nóng về trật tự xã hội nông thôn; đẩy mạnh đấu tranh, ngăn chặn và đẩy lùi các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội, chú trọng xây dựng và nhân rộng mô hình tự quản về an ninh trật tự ở khu dân cư.

9. Huy động mọi nguồn lực xã hội và cân đối đủ nguồn lực, đảm bảo thực hiện mục tiêu nhiệm vụ đề ra.

- Cân đối và bố trí ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình đảm bảo tỷ lệ đối ứng theo Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg ngày 22/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020.

- Tăng cường huy động, lồng ghép các nguồn vốn theo nguyên tắc: Ưu tiên huy động, khai thác tối đa nguồn lực trực tiếp tại địa phương; các nguồn vốn huy động hỗ trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và đóng góp của Nhân dân phải trên cơ sở tự nguyện, không được ép buộc và huy động quá sức của người dân. Lựa chọn các công trình, nhiệm vụ thực hiện lồng ghép phải đảm bảo hiệu quả theo yêu cầu, quy định của Chương trình, dự án chính, kết hợp thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, tiêu chí của từng Chương trình. Lồng ghép các nguồn vốn đầu tư phải được thực hiện từ khâu đề xuất, lập kế hoạch từ cấp cơ sở (xã, huyện, thành phố) trước khi gửi cơ quan cấp tỉnh, tránh sự trùng lặp, chồng chéo.

- Về nợ đọng xây dựng nông thôn mới: Xử lý theo nguyên tắc nợ của cấp nào

thì cấp đó có trách nhiệm trả; UBND các huyện, thành phố rà soát, thống kê, phân loại, xác định nguyên nhân của từng khoản nợ đọng và có kế hoạch, phương án cụ thể xử lý bằng các nguồn vốn hợp pháp đảm bảo số nợ đọng giảm dần qua các năm và thời hạn xử lý dứt điểm đến năm 2019 theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 8932/BKHĐT-KTNN ngày 01/11/2017; tăng cường kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các dự án đầu tư theo đúng quy định của pháp luật trong quản lý đầu tư và xây dựng, không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

10. Triển khai thực hiện “Khu dân cư nông thôn kiểu mẫu”

Thực hiện xây dựng 3 khu dân cư nông thôn kiểu mẫu ở các xã: Nghĩa Lâm, Bình Dương và Hành Minh nhằm nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt, tạo cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp và cải thiện đời sống dân cư, tiến tới xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu.

11. Củng cố, nâng cao chất lượng công tác báo cáo, giám sát, đánh giá đối với chương trình xây dựng nông thôn mới

Thực hiện nghiêm túc công tác báo cáo, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020 theo quy định tại Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư 05/2017/TT-BNNPTMNT ngày 01/3/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT và các báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Trung ương, UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh.

III. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2018

1. Dự kiến nguồn lực thực hiện Chương trình năm 2018:

a) Nguồn vốn Trung ương: 203 tỷ đồng, bao gồm:

- Đầu tư phát triển: 144,2 tỷ đồng

- Sự nghiệp: 58,8 tỷ đồng

b) Nguồn vốn tỉnh: 288,2 tỷ đồng, bao gồm:

- Đầu tư phát triển: 200 tỷ đồng

- Sự nghiệp: 88,2 tỷ đồng

c) Ngân sách huyện, Tp, xã: Khoảng 130 tỷ đồng

2. Kế hoạch phân bổ:

a) Nguồn đầu tư phát triển: 474,2 tỷ đồng

* Ngân sách Trung ương: 144,2 tỷ đồng, trong đó:

- Bố trí dự án chuyển tiếp từ năm 2017 chuyển sang: 67,853 tỷ đồng

- Khởi công mới năm 2018: 76,347 tỷ đồng (bố trí cho tất cả các xã có nhu cầu về vốn khởi công mới năm 2018, trong đó ưu tiên cân đối mức vốn cao hơn cho các công trình thuộc 14 xã dưới 5 tiêu chí, 18 xã về đích năm 2018, các xã thuộc huyện nghèo, xã bãi ngang ven biển so với các xã còn lại).

* Ngân sách tỉnh: 200 tỷ đồng, trong đó:

- Hỗ trợ xi măng năm 2018: 35 tỷ đồng

- Bố trí vốn dự án chuyển tiếp của kế hoạch năm 2017 còn thiếu: 45 tỷ đồng.

- Khởi công mới năm 2018: 120 tỷ đồng

* Ngân sách huyện, TP, xã: Khoảng 130 tỷ đồng (Bố trí vốn đối ứng cho các xã)

b) Nguồn vốn sự nghiệp: 147 tỷ đồng

* Ngân sách Trung ương: 58,8 tỷ đồng

Phân bổ cho các nội dung theo hướng dẫn của Trung ương

* Ngân sách tỉnh: 88,2 tỷ đồng, trong đó:

- Hỗ trợ phát triển sản xuất, dịch vụ: 19,8 tỷ đồng

- Trả nợ kinh phí quy hoạch chi tiết từ năm 2016 trở về trước: 10,887 tỷ đồng

- Duy tu, bảo dưỡng công trình: 12,513 tỷ đồng

- Thưởng nông thôn mới 2016 – 2018 và xã Tịnh Châu đạt chuẩn NTM giai đoạn 2011 – 2015: 45 tỷ đồng

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, đoàn thể và các địa phương triển khai thực hiện kế hoạch này.

2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính có trách nhiệm phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí các nguồn vốn để đảm bảo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2018 đạt kế hoạch đề ra.

3. Các sở, ban, ngành tổ chức chỉ đạo, theo dõi và hướng dẫn thực hiện các tiêu chí phụ trách theo phân công của UBND tỉnh tại Công văn số 1083/UBND-NNTN ngày 03/3/2017 về việc giao nhiệm vụ thực hiện tiêu chí huyện nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2016 – 2020. Chỉ đạo thực hiện việc lồng ghép các chương trình dự án thuộc sở, ngành phụ trách với nội dung xây dựng nông thôn mới.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành và Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh tổ chức rà soát, đánh giá mức độ đạt các tiêu chí và có kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tại địa phương bảo đảm hoàn thành mục tiêu kế hoạch đề ra.

5. Đề nghị nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức đoàn thể chính trị, xã hội tỉnh tăng cường trách nhiệm tham gia, kiểm tra, giám sát đối với thực hiện Chương trình. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức

cho cán bộ, hội viên, người dân bằng nhiều hình thức phù hợp với từng đối tượng để nâng cao tính tự giác, chủ động, sáng tạo trong quá trình tổ chức thực hiện. Tiếp tục phát động và đẩy mạnh phong trào thi đua “Quảng Ngãi chung sức xây dựng nông thôn mới” và cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”. Tiếp tục huy động tham gia đóng góp của tổ chức doanh nghiệp, nhà hảo tâm hỗ trợ các địa phương đầu tư một số các công trình thiết yếu, hỗ trợ phát triển sản xuất để giúp các xã hoàn thành nội dung các tiêu chí, phát triển sản xuất nâng cao thu nhập.

6. Hàng quý các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan và các huyện, thành phố báo cáo tình hình thực hiện (thông qua Văn phòng Điều phối chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh) trước ngày 25 của tháng cuối quý để tổng hợp báo cáo Ủy ban ban dân tỉnh, Trung ương./.

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- TT Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ban Chỉ đạo XD nông thôn mới tỉnh;
- Các sở ngành, hội đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, TP;
- Văn phòng Điều phối xây dựng NTM tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP(NL), KTTH, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TN.

Trần Ngọc Căng